

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

6 tháng đầu năm



VIỆT NAM

GIỚI THIỆU

Từ vị thế là một thị trường hấp dẫn với mức tăng trưởng cao, tỷ lệ sinh lời lớn vào cuối năm 2006, đầu 2007; thị trường chứng khoán Việt Nam đã giảm mạnh trong 6 tháng đầu năm 2008 với mức sụt giảm lên tới 60 – 70% giá trị so với mốc đỉnh của thị trường được thiết lập vào tháng 3/2007. Bức tranh ảm đạm của thị trường chứng khoán nửa đầu 2008 xuất phát từ nguyên nhân nào? Do tình hình kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm có nhiều chuyển biến không thuận lợi, hệ quả của một giai đoạn phát triển quá nóng trước đó, hay do tâm lý bi quan quá mức của các nhà đầu tư?

Để giúp các nhà đầu tư có thể giải đáp những câu hỏi trên, Bản tổng kết này được viết ra nhằm cung cấp cho nhà đầu tư một góc nhìn đa diện về Thị trường chứng khoán Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2008. Qua những thống kê về mặt số học cũng như thông qua các biểu đồ, đồ thị liên quan, các nhà đầu tư có thể hình dung một cách cơ bản và tổng quát nhất về những diễn biến của Thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời gian qua. Từ đó, các nhà đầu tư sẽ có được những tổng kết về trải nghiệm đầu tư trên thị trường chứng khoán cho riêng mình.

Với tính chất là một kênh thông tin tham khảo, Bản tổng kết này được tổng hợp và thực hiện dựa trên các số liệu tương đối xác thực. Tuy nhiên, chúng tôi không có hàm ý đưa ra bất kỳ một khuyến nghị đầu tư nào. Do đó, chúng tôi không chịu trách nhiệm trước những quyết định đầu tư của nhà đầu tư khi sử dụng các thông tin trong Bản tổng kết này.

NỘI DUNG

	Trang
Tổng quan nền kinh tế 6 tháng đầu năm	4
Kinh tế thế giới	5
Kinh tế Việt Nam	7
Chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ	9
Thị trường chứng khoán Việt Nam – Sự kiện & Con số	11
Các sự kiện nổi bật	13
Con số thị trường	19
Một số chỉ tiêu ngành	22
Kịch bản nào cho 6 tháng cuối năm?	27
Triển vọng của nền kinh tế	28
Triển vọng của Thị trường chứng khoán	31
Các cơ hội đầu tư	37
Phụ lục	40

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

TTCK:	Thị trường chứng khoán
HOSE:	Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM
HASTC:	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội
UBCKNN:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
ĐTNN:	Đầu tư nước ngoài
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước
NHTM:	Ngân hàng thương mại
CTCK:	Công ty chứng khoán
IPO:	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
CPI:	Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP:	Công ty cổ phần
CP:	Cổ phiếu
DN:	Doanh nghiệp
Index:	Chỉ số thị trường
GDP:	Tổng sản phẩm nội địa

TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM





TỔNG QUAN NỀN KINH TẾ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

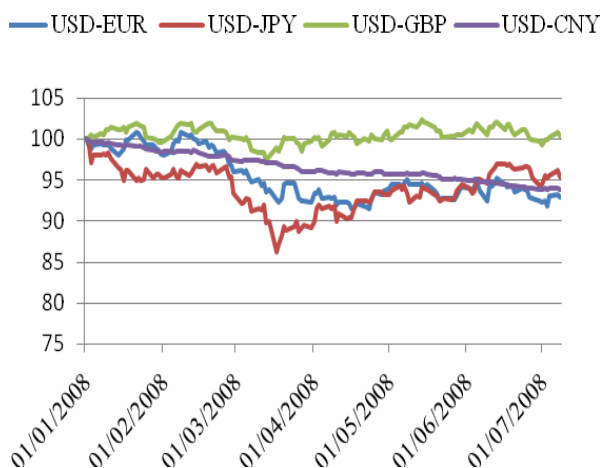
Kinh tế thế giới

Trong 06 tháng đầu năm 2008 những dấu hiệu về sự suy giảm kinh tế toàn cầu đã phủ bóng đen lên hầu hết các TTCK trên thế giới. Diễn biến khó lường của tình hình lạm phát ở các quốc gia cũng như lo lắng về ảnh hưởng xấu của khủng hoảng tín dụng đã khiến TTCK toàn cầu diễn biến phức tạp với nhiều phiên giảm điểm liên tiếp. Theo thống kê của Bloomberg, TTCK tại hơn 50 quốc gia, bao gồm một số TTCK chủ chốt như Trung Quốc, Hồng Kông, Ấn Độ, đã rơi vào tình trạng suy thoái (giảm hơn 30% giá trị so với thời kỳ đỉnh cao). Xu hướng đầu tư ở hầu hết các TTCK trên thế giới chủ yếu tập trung vào những ngành có mức tăng trưởng ổn định, ít chịu sức ép bởi tình hình lạm phát và các khoản vay tài chính như: dầu khí, công nghệ, bán lẻ, sản xuất công nghiệp... Trong khi đó cổ phiếu của các ngành ngân hàng, tài chính hay bất động sản đều được tái cơ cấu trong danh mục đầu tư của các tổ chức tài chính trong năm 2008.

Nền kinh tế Mỹ 06 tháng đầu năm 2008 vẫn tiếp tục đà suy giảm với những hậu quả của cuộc khủng hoảng cho vay thế chấp trên thị trường bất động sản từ tháng 06/2007 mà đỉnh điểm là việc sụp đổ của Bear Sterns, một trong những tổ chức tài chính lớn nhất nước Mỹ. Không thể phủ nhận những động thái tích cực của Chính phủ Mỹ, cụ thể là Cục dự trữ liên bang Mỹ với những nỗ lực nhằm giúp nền kinh tế Mỹ vượt qua khủng hoảng như tiếp tục tiến hành đấu giá các khoản vay ngắn hạn hỗ trợ hệ thống tài chính hay duy trì lãi suất cơ bản ở mức 2% bất chấp việc lòng tin của người tiêu dùng sụt giảm và các vấn đề về thị trường nhà đất vẫn tiếp diễn. Bên cạnh đó tình hình lạm phát diễn ra hết sức phức tạp với những diễn biến khó lường và thâm hụt trong cán cân thương mại của Mỹ với các nước khác vẫn cho thấy những dấu hiệu bất ổn tiềm tàng của nền kinh tế lớn nhất thế giới này. Chỉ số lòng tin của người tiêu dùng Mỹ giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 26 năm qua (chỉ số này chỉ đạt 62,6% vào tháng 3/08).

Sau 06 năm mất giá liên tiếp so với các ngoại tệ mạnh khác, vai trò của đồng USD với tư cách đồng tiền số một thế giới đang giảm dần. So với thời kỳ đỉnh cao vào năm 2002, đồng USD hiện đã mất khoảng 1/4 sức mua so với đồng tiền của các đối tác thương mại chính của nước Mỹ. Sự trượt giá của đồng USD không chỉ khiến lạm

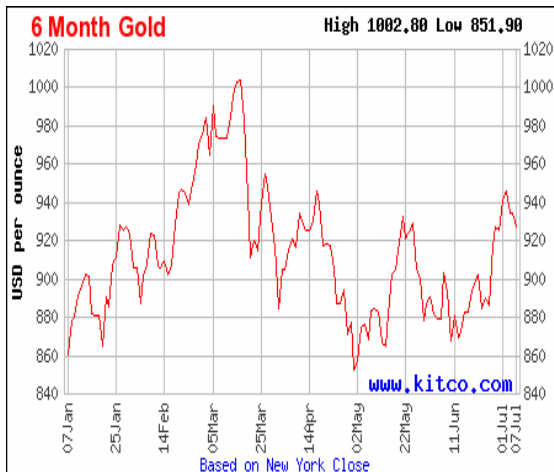
Tỷ giá USD so với một số ngoại tệ mạnh trên thế giới



Nguồn: finance.yahoo.com

phát của Mỹ tăng mạnh mà còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự leo thang của giá dầu ở khắp nơi trên thế giới. Sự giảm giá của đồng USD cũng kéo theo sự thâm hụt cán cân vãng lai của Mỹ kèm theo sự gia tăng các khoản nợ của chính phủ Mỹ đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy vậy sự mất giá của đồng USD cũng làm cho hàng hóa Mỹ trở nên rẻ hơn ở các thị trường xuất khẩu - một trong những điểm sáng hiếm hoi của bức tranh kinh tế Mỹ trong 06 tháng đầu năm 2008.

Giá vàng thế giới 06 tháng đầu năm 2008



Thị trường vàng trong 06 tháng đầu năm 2008 diễn biến tương đối bất thường, giá vàng được đẩy lên đỉnh cao ở mức 1011.25 USD/oz vào ngày 17/03/2008 và xuống thấp nhất ở mức 853 USD/oz vào ngày 01/05/2008. Do những bất ổn về tình hình kinh tế toàn cầu, sự suy yếu của đồng USD so với các ngoại tệ khác và sự suy giảm của các thị trường chứng khoán trên thế giới nên nhu cầu chuyển sang đầu tư vào vàng ngày càng trở thành một xu thế tất yếu.

Trong 06 tháng đầu năm 2008 diễn biến của giá dầu trên thế giới vẫn hết sức căng thẳng. Hiện giá dầu ngày 08/07/2008 đang ở mức 136 USD/thùng. Diễn biến phức tạp của giá dầu trên thế giới xuất phát từ sự căng thẳng trong mối quan hệ giữa Mỹ và Iran, sự sụt giảm của đồng USD, sự phát triển mạnh mẽ dẫn đến mất cân bằng trong cung cầu năng lượng của những nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và nguyên nhân đầu cơ trên thị trường năng lượng thế giới. Theo tuyên bố mới đây ngày 02/07/2008 của Tổng thư ký Tổ chức các nước xuất khẩu dầu (OPEC) Abdallah El-Badri, 70% hợp đồng dầu thô trên thị trường New York đều do giới đầu cơ nắm giữ. Bên cạnh đó những mâu thuẫn trong việc nâng cao sản lượng cung cấp giữa OPEC và IEA, tổ chức đại diện cho các nước tiêu thụ dầu giàu có, vẫn chưa có hồi kết. Trong khi thế giới vẫn chưa tìm ra câu trả lời cho bài toán giá dầu, mới đây các chuyên gia lại đưa ra những dự đoán mới liên quan tới giá "vàng đen". Theo hãng nghiên cứu Global Insight (Mỹ), giá dầu sẽ lên khoảng 160 USD/thùng vào tháng 12/2008 trước khi giảm xuống còn 130 USD/thùng vào cuối năm 2009 và 105 USD/thùng vào năm 2010. Nhà lãnh đạo tập đoàn khí đốt lớn nhất nước Nga Gazprom Alexei Milles dự đoán giá dầu sẽ sớm đạt mức 250 USD/thùng trong thời gian tới.

Diễn biến giá dầu thế giới 06 tháng đầu năm 2008



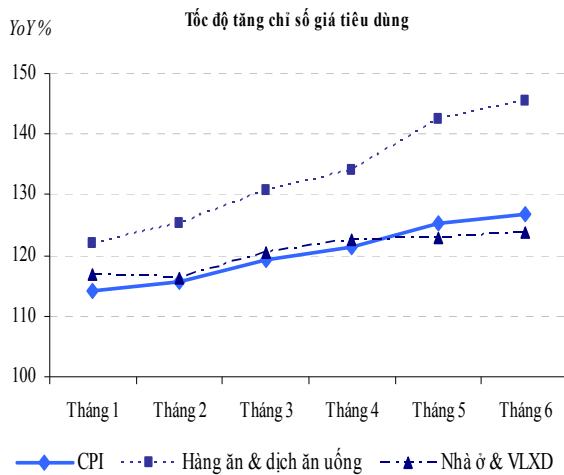
Nguồn: WTI Cushing Crude oil spot price, theo Bloomberg

Kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng GDP

Theo số liệu thống kê, GDP 6 tháng đầu năm 2008 ước tính tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất 7,6%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7%, khu vực nông - lâm nghiệp tăng 3,04%. Mức tăng này thấp hơn cùng kỳ một số năm gần đây. Như vậy, để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã được Quốc hội chấp nhận điều chỉnh là 7%, mức tăng trưởng mà Việt Nam cần đạt được trong 6 tháng còn lại phải ở mức 7,4 – 7,5%.

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng 06 tháng đầu năm 2008



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Lạm phát tiếp tục xu hướng gia tăng dù đã tăng đã chậm lại

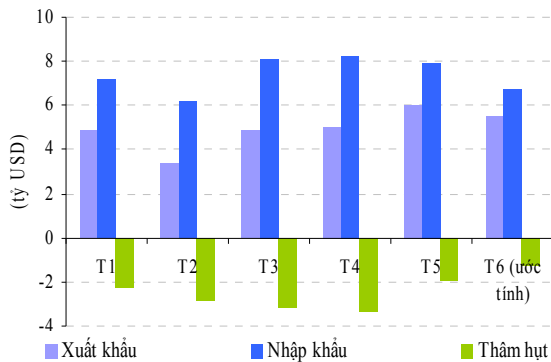
Tiếp theo đà tăng lạm phát ở mức hai con số từ cuối năm 2007, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tiếp tục tăng cao. So với thời điểm cuối năm 2007, CPI 6 tháng đầu năm đã tăng 18,44% (tháng 5 tăng 15,96%). Tốc độ tăng theo năm đã lên tới mức 26,8%.

Tuy nhiên, đà tăng của lạm phát đã có dấu hiệu chậm lại. Xét về tốc độ tăng giá theo tháng, CPI tháng 6 tăng 2,14% (tháng 5 tăng 3,91%), đây là mức tăng thấp nhất kể từ đầu năm đến nay. Diễn biến này cho thấy các biện pháp kiểm chế lạm phát của Chính phủ bước đầu đã phát huy tác dụng.

Nguyên nhân gia tăng lạm phát:

- Đầu tư kém hiệu quả, làm giảm sức cạnh tranh của sản phẩm và của cả nền kinh tế. Với mức thu hút vốn chiếm 41% GDP, hệ số ICOR của Việt Nam năm 2007 xấp xỉ bằng 5. Hệ số này cao hơn rất nhiều so với Trung Quốc cách đây 10 năm (ICOR Trung Quốc giai đoạn 1991-1993 là 4,1). Theo đánh giá của các chuyên gia ngân hàng, chỉ số ICOR cao chiếm tới 30% nguyên nhân gây ra lạm phát tại Việt Nam trong thời gian vừa qua.
- Do giá lương thực tăng cao. Trong 6 tháng đầu năm, nhóm hàng ăn và dịch ăn uống ghi nhận tốc độ tăng giá mạnh nhất 45,55%, trong đó, lương thực tăng 74%, thực phẩm tăng 37%. Đây được coi là nhân tố chính làm gia tăng sức ép lạm phát vì các mặt hàng ăn uống chiếm tới 42,8% trong rổ hàng hóa tính chỉ số CPI.
- Ảnh hưởng của việc giá cả thế giới tăng khiến chi phí đầu vào nói chung tăng cao.

Xuất nhập khẩu 6 tháng năm 2008



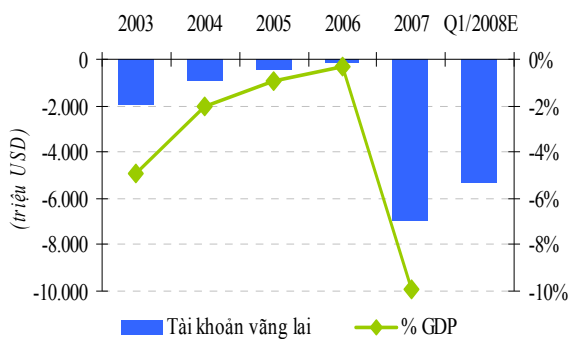
Nguồn: Tổng cục thống kê

Một số mặt hàng XNK chính

Xuất khẩu	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Dầu thô	5.600	18,9%
Dệt may	4.077	13,7%
Giày dép	2.274	7,7%
Thủy sản	1.890	6,4%
Gạo	1.510	5,1%
Nhập khẩu	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Máy móc, thiết bị, dụng cụ	6.961	15,7%
Xăng dầu	5.923	13,3%
Sắt thép	4.597	10,3%
Vải	2.298	5,2%
Điện tử, máy tính, linh kiện	1.799	4,0%

Nguồn: Tổng cục thống kê

Tài khoản vãng lai



Nguồn: Ngân hàng nhà nước

Thâm hụt cán cân thương mại và tài khoản vãng lai

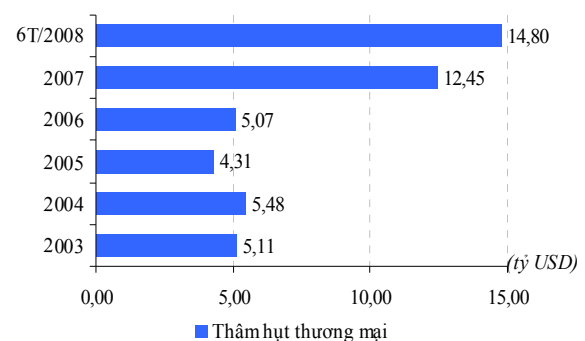
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 6 ước tính khoảng 5,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với tháng 5. Tổng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt 29,7 tỷ USD, tăng 31,8% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu tăng một phần do khối lượng xuất khẩu tăng, mặt khác do giá xuất khẩu của một số mặt hàng chủ lực tăng mạnh. Điển hình là giá dầu thô xuất khẩu tăng 69,5%, giá gạo tăng 88%, giá than đá tăng 68,4%, giá cà phê tăng 40,4% trong 6 tháng đầu năm

Tổng kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm lên tới 44,5 tỷ USD, tăng 60,3% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị hàng hóa nhập khẩu tăng mạnh ngoài yếu tố tăng khối lượng còn có yếu tố tăng giá. Trong 6 tháng đầu năm, giá xăng dầu nhập khẩu tăng tới 61,8%, giá sắt thép tăng 29,8%, giá giấy tăng 11,8%. Đây là những mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng khối lượng hàng hóa nhập khẩu. Tuy nhiên, đa nhập khẩu có xu hướng giảm dần. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6 ước tính khoảng 6,8 tỷ USD, giảm 11,3% so với tháng trước

Như vậy, thâm hụt cán cân thương mại 06 tháng đầu năm 2008 đã lên tới 14,8 tỷ USD, tương đương 49,8% kim ngạch xuất khẩu, tăng 184,6% so với cùng kỳ năm trước và cao hơn mức nhập siêu của cả năm 2007.

Nhập siêu gia tăng là nguyên nhân chính gây thâm hụt tài khoản vãng lai. Theo ước tính của Ngân hàng nhà nước, thâm hụt tài khoản vãng lai trong quý I/2008 ở mức 5,3 tỷ USD.

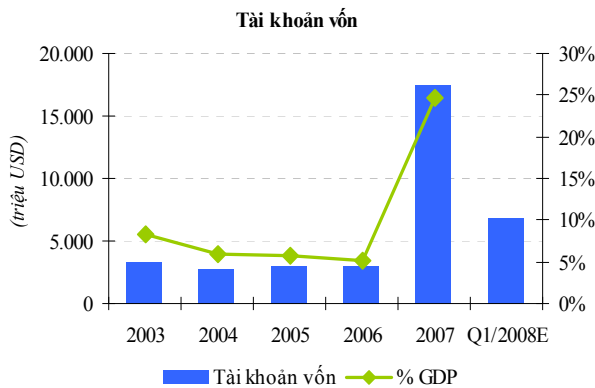
Thâm hụt cán cân thương mại



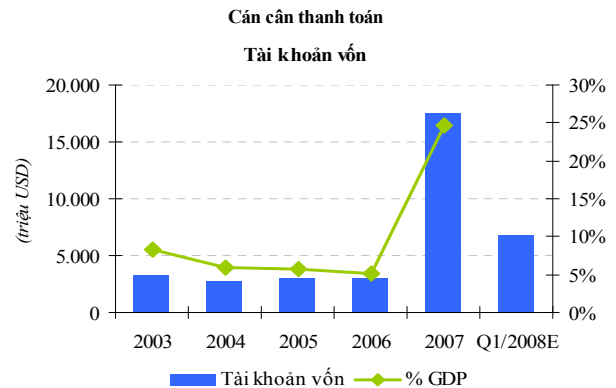
Nguồn: Báo Đầu tư, Tổng cục thống kê

Cán cân thanh toán

Nhiều tổ chức nước ngoài quan ngại tình trạng nhập siêu và thâm hụt tài khoản vãng lai ngày càng nghiêm trọng, sẽ gây sức ép khủng hoảng cán cân thanh toán. Đối với Việt Nam, dòng vốn từ bên ngoài đổ vào Việt Nam tăng ở mức kỷ lục, đặc biệt là dòng vốn FDI dài hạn, góp phần bù đắp thâm hụt tài khoản vãng lai, duy trì cán cân thanh toán lành mạnh. Tuy nhiên, bài học từ cuộc khủng hoảng tài chính Đông Nam Á 1997 cho thấy Việt Nam cần phải thận trọng với tình trạng phụ thuộc vào dòng vốn từ bên ngoài, đặc biệt là dòng vốn ngắn hạn.



Nguồn: Ngân hàng nhà nước



Nguồn: Ngân hàng nhà nước

Chính sách kiềm chế lạm phát của Chính phủ

Chính sách tiền tệ

Trong 6 tháng đầu năm 2008, NHNN chủ trương thực hiện **chính sách tiền tệ thắt chặt** nhằm kiềm chế tốc độ tăng trưởng tín dụng “nóng” của nền kinh tế, giảm bớt sức ép lạm phát: (i) tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc từ 10% lên 11% đối với tiền gửi VND dưới 12 tháng; (ii) phát hành 20,3 nghìn tỷ đồng tín phiếu bắt buộc đối với 41 ngân hàng thương mại để hút bớt tiền từ lưu thông; (iii) kiểm soát tăng trưởng tín dụng của các ngân hàng thương mại trong năm 2008 ở mức 30%, tăng cường kiểm soát nâng cao chất lượng tín dụng theo tiêu chuẩn quốc tế.

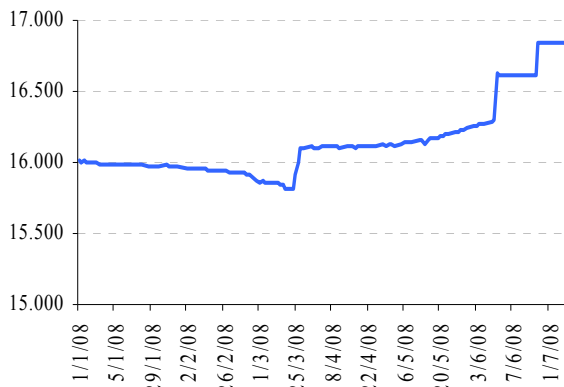
Đáng chú ý nhất là **điều chỉnh mới trong chính sách điều hành lãi suất**, theo đó, trần lãi suất huy động được dỡ bỏ, lãi suất cơ bản được trả về đúng vai trò là công cụ điều tiết lãi suất trên thị trường, thay cho các quyết định mang tính mệnh lệnh hành chính. Lãi suất

cơ bản cũng được điều chỉnh tăng 2 lần phù hợp với tình hình thực tế (lần 1 từ 8,75% lên 12%/năm; lần 2 từ 12% lên 14%/năm). Đây là cơ sở để các tổ chức tín dụng ấn định lãi suất kinh doanh của mình, đảm bảo không vượt quá 150% lãi suất cơ bản.

Chính sách tài khóa

Các **chính sách tài khóa chặt chẽ** cũng được triển khai nhằm kiềm chế lạm phát, trong đó nội dung **cắt giảm chi tiêu công** là một trong những biện pháp quan trọng. Chính phủ chỉ đạo cắt giảm 10% chi thường xuyên trong dự toán ngân sách nhà nước và khoảng 25% kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ năm 2008; không điều chỉnh tăng tổng mức vốn đầu tư của ngân sách nhà nước năm 2008 đã giao, rà soát và sắp xếp lại kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản.

Tỷ giá USD/VND 6 tháng đầu năm 2008



Tỷ giá USD/VND trong 6 tháng đầu năm 2008

Nguồn: Bloomberg

Chính sách tỷ giá

Tỷ giá USD/VND trong 6 tháng đầu năm 2008 ghi nhận những biến động không ổn định. Tỷ giá giảm nhẹ trong 3 tháng đầu năm, bắt đầu xu hướng tăng nhẹ trên 1% trong tháng 4, 5 và đặc biệt biến động tăng mạnh trong tháng 6, tăng 4,69% so với tháng trước. Nếu so với cùng kỳ năm trước tỷ giá tăng 4,89%, so với tháng 12/2007 tăng 5,02%. Diễn biến đồng USD tăng giá mạnh so với VND chủ yếu do nhu cầu về ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu trong điều kiện nhập siêu liên tục tăng. Bên cạnh đó, một bộ phận dân cư có xu hướng chuyển sang tích trữ USD gây thêm áp lực lên cầu ngoại tệ, dẫn đến những biến động bất thường trên thị trường tự do.

Trước diễn biến bất ổn trên thị trường ngoại tệ, NHNN đã thực hiện **chính sách tỷ giá linh hoạt** có kiểm soát nhằm phản ánh sát hơn tình hình cung – cầu ngoại tệ, kiểm soát những bất ổn trên thị trường ngoại tệ. Cụ thể là, gần đây nhất, trong tháng 6, NHNN điều chỉnh tỷ giá bình quân USD/VND liên ngân hàng tăng thêm 2% (từ mức 16.139 USD/VND lên 16.461 USD/VND). Cũng trong 6 tháng đầu năm 2008, NHNN điều chỉnh nâng biên độ tỷ giá 2 lần, lần 1 từ 0,75% lên 1% vào ngày 10/3, và lần 2 từ 1% lên 2% vào cuối tháng 6. Với chính sách tỷ giá linh hoạt cùng với các biện pháp quản lý chặt chẽ hoạt động mua bán ngoại tệ, diễn biến trên thị trường ngoại tệ chính thức và tự do từng bước đi vào ổn định.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2008 SỰ KIỆN - CON SỐ

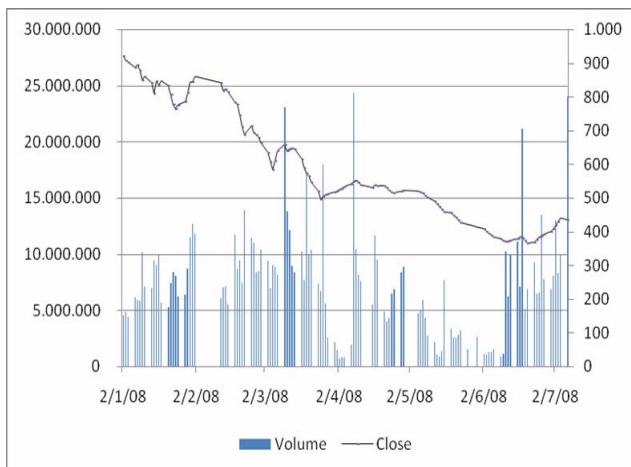




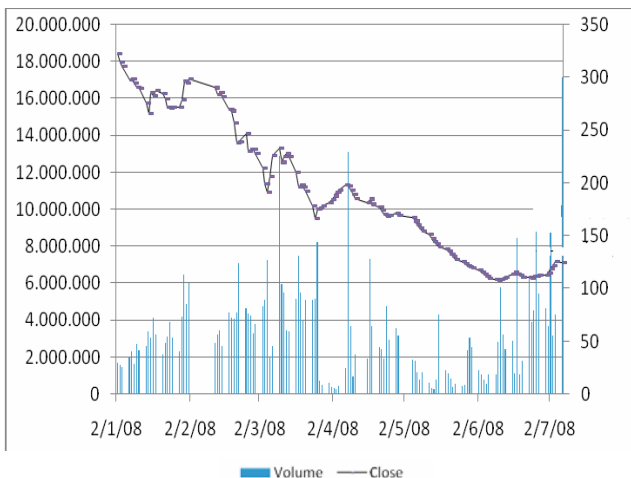
TTCK 6 THÁNG ĐẦU NĂM – SỰ KIỆN & CON SỐ

TTCK 6 tháng đầu năm Sự kiện và con số

VNINDEX 6 tháng đầu năm 2008



HASTC - INDEX



Trong bối cảnh ảm đạm của tình hình kinh tế vĩ mô, niềm tin của các nhà đầu tư về triển vọng phát triển của nền kinh tế suy giảm một cách nghiêm trọng. Tâm lý tích trữ vàng và USD trở nên phổ biến. Các nhà đầu tư trở nên nghi ngờ đối với tính an toàn của hệ thống ngân hàng và tính hiệu quả của các kênh đầu tư khác như chứng khoán, bất động sản.... Lạm phát đang ngày một gia tăng trong khi tất cả các thành phần kinh tế, từ ngân hàng, doanh nghiệp cho tới các nhà đầu tư cá nhân đều rơi vào tình trạng thiếu tiền mặt.

Trước tình hình đó, các nhận định khá bi quan của nhiều tổ chức uy tín trên thế giới và các chuyên gia kinh tế lớn đã liên tiếp được đưa ra vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm 2008. Đúng vào thời điểm nhiều chuyên gia cho rằng thâm hụt thương mại quá cao sẽ sớm dẫn đến tình trạng thiếu hụt dự trữ ngoại tệ của Chính Phủ Việt Nam; Fitch Ratings hạ định mức tín nhiệm của Việt Nam từ "ổn định" xuống "tiêu cực" thì Morgan Stanley đã giáng thêm "một đòn mạnh" khi nhận định tình trạng khủng hoảng tiền tệ có thể xảy ra ở Việt Nam. Những nhận định này đều xuất phát từ các tổ chức có uy tín nên đã khiến giới đầu tư thêm lo lắng. Sự tác động hoàn toàn mang tính tâm lý này có thể coi là rất lớn bởi việc nhận định lạm phát năm nay cao sẽ khiến lạm phát càng căng thẳng hơn; và sự thiếu lạc quan tin tưởng vào nền kinh tế sẽ khiến cho nền kinh tế bất ổn hơn. Tâm lý của giới đầu tư vì thế đã trở nên xấu hơn bao giờ hết. Làn sóng bán tháo cổ phiếu vẫn tiếp tục diễn ra, làm cho TTCK Việt Nam trở thành một trong những thị trường có mức độ sụt giảm nhiều nhất trên thế giới. VNIndex giảm từ 921,07 điểm (02/01/2008) xuống còn 399,40 điểm (30/06/2008), mất 521,67 điểm tương đương giảm 56,64%. VNIndex xuống sâu nhất ở mức 366,02 điểm (20/06/2008).

Với chủ trương "không hy sinh thị trường chứng khoán", Chính phủ đã chỉ đạo các cơ quan chức năng trong việc thực hiện các giải pháp nhằm bình ổn thị trường. Hàng loạt các biện pháp đã được Chính phủ đưa ra để ngăn đà sụt giảm của VNIndex và Hastc-Index. Đáng chú ý trong số những giải pháp đó là việc Chính phủ chỉ đạo SCIC mua vào cổ phiếu, kêu gọi các công ty niêm yết mua vào cổ phiếu, kêu gọi NHTM ngừng giải chấp... và thực hiện việc điều chỉnh biên độ dao động giá áp dụng trên TTCK.

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

Việc chỉ đạo SCIC mua vào cổ phiếu đã cho thấy quyết tâm "giải cứu" thị trường của Chính phủ

Tiêu chí lựa chọn cổ phiếu của SCIC: cổ phiếu lớn, cổ phiếu có tính thanh khoản cao, cổ phiếu của công ty có hoạt động kinh doanh tốt

🚩 SCIC mua vào cổ phiếu

Đây là giải pháp thứ 13 trong gói 19 giải pháp của Chính phủ và Bộ Tài chính nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán, tiền tệ cũng như kiềm chế lạm phát được đưa ra vào ngày 04/03/2008. Theo đó Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) sẽ mua một số cổ phiếu có tính thanh khoản cao để chặn đà sụt giảm của thị trường chứng khoán. Việc Chính phủ thông qua một Tổng công ty nhà nước đứng ra bao mua cổ phiếu trên thị trường nhằm hạn chế đà sụt giảm của thị trường không hoàn toàn phù hợp với sự vận động tự do của thị trường, tuy nhiên vào thời điểm thị trường đang diễn biến nhanh theo chiều hướng xấu, thì việc đó được xem là một giải pháp mang tính cứu cánh và được đông đảo các nhà đầu tư ủng hộ và tin tưởng. Điều này xuất phát từ một số lý do sau:

- Việc tham gia của SCIC sẽ hỗ trợ sức cầu đang yếu và hoàn toàn bị lấn át trước sức cung của thị trường.
- Đây là một tín hiệu cho thấy, giá của các cổ phiếu trên thị trường đã thấp hơn nhiều so với giá trị thực; và đây được xem là một thời điểm giải ngân hợp lý cho các nhà đầu tư trên thị trường.

Tiêu chí lựa chọn của SCIC là cổ phiếu có khả năng tác động tích cực đến sự điều chỉnh của thị trường, đồng thời đảm bảo hiệu quả hoạt động của Tổng Công ty. Điều này thể hiện ở việc đáp ứng được đồng thời cả 3 tiêu chí sau:

- Cổ phiếu lớn (thể hiện ở giá trị vốn hóa thị trường)
- Cổ phiếu có tính thanh khoản cao (thể hiện ở khối lượng giao dịch)
- Cổ phiếu của công ty có hoạt động kinh doanh tốt (thể hiện thông qua các chỉ tiêu lợi nhuận)

Kết quả: Với việc SCIC chính thức mua vào cổ phiếu từ phiên giao dịch ngày 7/3/2008 trên cả 2 sàn giao dịch, thị trường đã có những chuyển biến tích cực, lòng tin của nhà đầu tư đã phục hồi trở lại. Tuy nhiên, trên thực tế trong quá trình triển khai, giải pháp này đã gặp phải những hạn chế sau:

- Việc không công khai rộng rãi tổng khối lượng tiền SCIC có thể dùng để mua cổ phiếu, mà cổ phiếu sẽ mua, giá mua vào, thời gian dự kiến mua và tỷ trọng phân bổ đã khiến các nhà đầu tư tỏ

ra nghi ngờ tới sự tham gia tích cực của SCIC vào thị trường cũng như tính hiệu quả của động thái này. Do đó, sau những kỳ vọng ban đầu, tâm lý của nhà đầu tư nhanh chóng rơi vào một đợt khủng hoảng mới.

- Trong khả năng của mình, SCIC chỉ đủ sức tham gia hỗ trợ trên thị trường chính thức.
- Việc mua vào của SCIC đã tạo ra một tiền lệ không tốt trên TTCK. Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, hành động của SCIC được cho là “bóp méo” cung cầu trên thị trường và đi ngược lại tiến trình cổ phần hóa của nhà nước.

Co hẹp biên độ dao động giá

Trước đà sụt giảm mạnh của thị trường, ngày 25/3/2008, UBCKNN đã quyết định **áp dụng biên độ giao dịch mới** trên cả hai sàn. Theo đó, biên độ mới áp dụng cho HOSE là $\pm 1\%$ (thay vì $\pm 5\%$) và tại HASTC là $\pm 2\%$ (thay vì $\pm 10\%$). Việc co hẹp biên độ dao động giá được đưa ra nhằm vào những mục đích sau:

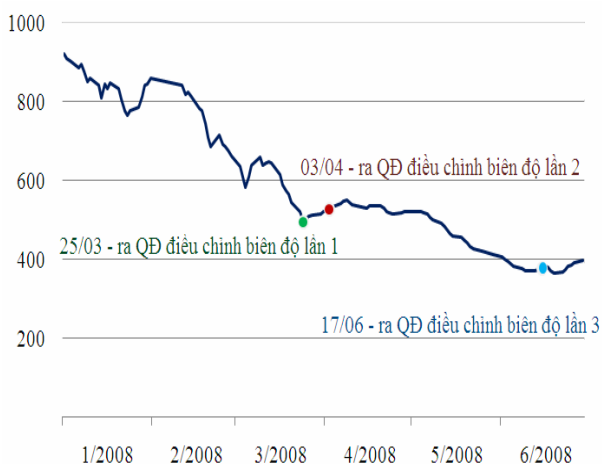
- Thứ nhất, việc giảm biên độ giao dịch trước hết giúp các nhà đầu tư trấn tĩnh lại trước các biến động bất thường của thị trường và có thời gian để đánh giá lại các yếu tố thị trường.
- Thứ hai, biện pháp này đã có tác dụng **giảm bớt hoạt động giải chấp**, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại về việc hạn chế giải chấp các hợp đồng thế chấp, repo chứng khoán đồng thời giảm bớt nguy cơ rủi ro cho ngân hàng; đồng thời nó cũng tạo ra khoảng thời gian cần thiết để các cơ quan quản lý triển khai các giải pháp của Chính Phủ.
- Và thứ ba, việc co hẹp biên độ giao dịch làm giảm bớt hiện tượng nhà đầu tư “lướt sóng” khi tham gia thị trường. Thị trường ít biến động đã hạn chế được hoạt động đầu cơ giá xuống (cũng như đầu cơ giá lên), tránh cho thị trường tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu hơn.

Về cơ bản, việc co hẹp biên độ là biện pháp đưa ra nhằm ngăn đà giảm giá của VN-Index, nhưng “liều thuốc” này lại giúp VN-Index tăng kịch trần liên tiếp trong 7 phiên. Tuy nhiên, đúng như những lo ngại trước đó được đưa ra, tính thanh khoản của thị trường bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng. Thống kê cho thấy, trung bình giao dịch trong tuần áp dụng biên độ $\pm 1\%$, sàn HCM chỉ đạt 1,8 triệu đơn vị/phiên. Đây là mức giao dịch thấp nhất kể từ đầu năm 2006 tới thời điểm đó.

6 tháng đầu năm 2008, UBCKNN đã điều chỉnh biên độ dao động giá 3 lần. Trong lịch sử 8 năm hoạt động của TTCKVN, trước đó mới có 4 lần UBCKNN điều chỉnh biên độ dao động giá.

Lần 1: Giảm biên độ dao động giá từ $\pm 5\%$ xuống $\pm 1\%$ (HOSE) và giảm từ $\pm 10\%$ xuống $\pm 2\%$ (HASTC)

**VNINDEX 6 tháng đầu năm 2008
qua 3 lần điều chỉnh biên độ**



🚩 Mở rộng biên độ dao động giá

Từ những hạn chế của việc thu hẹp biên độ dao động giá nói trên, ngày 03/04/2008, UBCKNN công bố điều chỉnh biên độ giao dịch **tăng từ $\pm 1\%$ lên $\pm 2\%$ ở HOSE và từ $\pm 2\%$ lên $\pm 3\%$ ở HASTC** – chính thức áp dụng từ ngày 07/04/2008. Mức tăng thêm 1% này được cho là biện pháp “chậm mà chắc”, nhằm thăm dò phản ứng của thị trường trong bối cảnh thị trường vẫn chưa thực sự tìm được điểm tựa vững chắc – thể hiện qua các tín hiệu tích cực từ yếu tố kinh tế vĩ mô.

Mục đích tăng biên độ:

- Trả lại tính thanh khoản cho thị trường, đồng thời mức chênh lệch lớn hơn trong biên độ giao dịch tạo cơ hội cho các nhà đầu tư đạt mức lợi nhuận cao hơn, khiến sự chênh lệch giữa cung và cầu trên thị trường trở nên cân bằng hơn, từ đó cải thiện tính thanh khoản cho thị trường.
- Tạo cơ hội cho thị trường phục hồi nhanh hơn khi có tín hiệu tích cực từ các yếu tố kinh tế vĩ mô. Cần phải nói thêm rằng, đây là khoảng thời gian Chính phủ đang triển khai đồng bộ gói giải pháp giải cứu thị trường theo công văn số 1909. Theo đó, cung của thị trường có khả năng sẽ được hạn chế bớt trước chủ trương ngừng giải chấp các hợp đồng cầm cố, repo chứng khoán của NHNN; còn cầu của thị trường được bổ sung bởi hoạt động mua lại cổ phiếu quỹ của các doanh nghiệp, việc mua vào của SCIC, cũng như các nhóm giải pháp khác của Chính phủ nhằm ổn định thị trường

Ngay sau khi nới lỏng biên độ, thị trường đã có thêm 1 phiên tăng điểm với sự tăng nhẹ của khối lượng giao dịch. Nhưng tín hiệu bán ra đã trở nên rõ rệt vào phiên giao dịch thứ 2, ngày 8/4/2008, khi khối lượng giao dịch tăng lên tới mức kỷ lục 25 triệu cổ phiếu và chứng chỉ quỹ. Lượng cung tiếp tục lấn át lượng cầu trong các phiên giao dịch tiếp theo. Thị trường đảo chiều và bước vào một trong những giai đoạn “tối tăm” nhất trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam

🚩 Mở rộng biên độ dao động giá lần thứ 2:

Sau một thời gian giảm điểm mạnh, ngày 11/6/2008 - VNIndex xuống mức 370,45 điểm; Hasc-Index chạm mốc 107,76 điểm, mức

Lần 2: Mở rộng biên độ dao động giá, tăng từ $\pm 1\%$ lên $\pm 2\%$ (HOSE) và tăng từ $\pm 2\%$ lên $\pm 3\%$ (HASTC)

Tính thanh khoản bị ảnh hưởng nghiêm trọng là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới quyết định mở rộng biên độ của UBCK

điểm thấp nhất từ trước tới nay. Tại thời điểm này, phần lớn nhà đầu tư đều kỳ vọng vào khả năng áp dụng biên độ lệch, cộng thêm việc giá tất cả các loại chứng khoán trên 2 sàn đã giảm quá sâu, nên đã bắt đầu mạnh tay mua vào để đón đầu cơ hội.

Ngày 17/6/2008, UBCKNN ban hành công văn điều chỉnh biên độ dao động giá cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán niêm yết tại HOSE từ $\pm 2\%$ lên $\pm 3\%$; trên HASTC từ $\pm 3\%$ lên $\pm 4\%$ - chính thức áp dụng từ ngày 19/06/2008. Mục đích của lần tăng biên độ lần này vẫn không có gì khác so với lần mở biên độ trước - là nhằm tăng hơn nữa tính thanh khoản cho cả 2 sàn chứng khoán.

Lần 3: Ngày 19/06, biên độ giao động giá sàn HOSE được điều chỉnh từ $\pm 2\%$ lên $\pm 3\%$; sàn HASTC điều chỉnh từ $\pm 3\%$ lên $\pm 4\%$

Ngay sau khi công văn được công bố, nhà đầu tư tỏ ra khá phấn chấn và tiếp tục mua vào trong 2 phiên giao dịch ngày 17/6 và 18/6/2008. Tuy nhiên, tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư trong phiên đầu tiên giao dịch với biên độ dao động giá mới của cổ phiếu và chứng chỉ quỹ trên cả 2 sàn HOSE và HASTC đã khiến thị trường giao dịch không mấy sôi động. VN-Index và Hasc-Index đều giảm điểm trong phiên này.

Một số biện pháp chính sách khác của UBCKNN

Khuyến khích các Công ty niêm yết mua lại cổ phiếu quỹ

Ngày 26/3/2008, UBCKNN đã có văn bản yêu cầu Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội tạo điều kiện cho các công ty niêm yết có thể mua lại cổ phiếu để làm cổ phiếu quỹ. Mục đích của việc mua lại cổ phiếu quỹ của các doanh nghiệp niêm yết là để hỗ trợ thêm sức cầu cho thị trường, từ đó góp phần tạo nên sự bình ổn cho chính cổ phiếu của doanh nghiệp nói riêng và cả thị trường nói chung.

Đáp lại lời kêu gọi của UBCKNN, nhiều doanh nghiệp lần lượt công bố về kế hoạch mua cổ phiếu quỹ như: VIC (đăng ký mua 7,9 triệu CP quỹ); SSI (đăng ký mua 3 triệu CP); DPM (đăng ký mua 1 triệu CP), ANV (đăng ký mua lại 1 triệu CP)... Tuy nhiên, do thị trường liên tục giảm mạnh và chưa có dấu hiệu cho thấy dấu hiệu hồi phục của thị trường, nên các doanh nghiệp này cũng tỏ ra thận trọng trong việc mua vào trong khoảng thời gian cam kết. Tiến độ thực hiện việc mua lại cổ phiếu quỹ của các công ty niêm yết trên sàn vì thế còn chậm, và được đánh giá là "phần nhiều mang tính chất trấn an tâm lý nhà đầu tư".

Nhiều doanh nghiệp có uy tín như SSI, DPM, STB... lần lượt đăng ký mua vào cổ phiếu quỹ

Kêu gọi các CTCK và NHTM ngừng giải chấp cổ phiếu

TTCK giảm mạnh, nhiều mã cổ phiếu giảm sâu, mất hơn 60% thị giá so với thời đỉnh cao. Để đảm bảo an toàn cho hoạt động của mình, các NHTM, đặc biệt là các NHTM cổ phần buộc phải giải chấp các khoản cho vay cầm cố cổ phiếu của mình.

Cơ lũ giải chấp trở thành nỗi ám ảnh của tất cả các nhà đầu tư – từ tổ chức tới cá nhân. Đây là nhân tố tác động tiêu cực lên tâm lý các nhà đầu tư cá nhân và tiếp tục đẩy họ lún sâu vào cơn lốc bán tháo, bất chấp rằng trên thực tế, các NHTM có đang thực hiện giải chấp thật hay không. Những mã CP được ưa chuộng một thời như SSI, STB, FPT... là những mã bị “bán tháo” nhiều nhất thị trường.

Chiều ngày 26/3/2008, NHNN có văn bản số 2875/NHNN-VP gửi các NHTM, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) liên quan đến kế hoạch triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về ổn định thị trường chứng khoán. Theo đó, Thống đốc NHNN chỉ đạo ***các ngân hàng thương mại ngừng giải chấp các hợp đồng cầm cố*** chứng khoán theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1909/VPCP-KTTH ngày 25/3/2008. Đồng thời, NHNN cũng cam kết sẽ cho các NHTM được vay lãi suất tái chiết khấu với mức 9% trong các trường hợp NHTM thiếu khả năng thanh toán tạm thời.

Song trên thực tế, phần lớn NHTMCP đã không thực hiện theo lời kêu gọi của NHNN. Sau khi TTCK tăng điểm liên tục, chủ yếu là nhờ biên độ giao dịch được thu hẹp thì thị trường lại liên tục sụt giảm khi biên độ được nới rộng. Trong bối cảnh lạm phát tăng cao, mặc dù NHNN đã dỡ bỏ mức trần lãi suất huy động 12% nhưng NHTM vẫn gặp khó khăn trong việc huy động tiền gửi. Tình trạng thanh khoản trong ngắn hạn của các NHTM vì thế bị đe dọa khá nghiêm trọng. Đây là những lý do khiến các NHTMCP phải tiếp tục thực hiện một đợt giải chấp mới, thể hiện rõ nét ở những lệnh bán có khối lượng lớn được tung vào thị trường trong các phiên giao dịch Tháng 4, 5.

Tuy nhiên, hoạt động giải chấp của các NHTM là kết quả tất yếu khi thị trường suy thoái, chứ không phải là ngòi nổ của cuộc khủng hoảng trên thị trường. Khi hoạt động giải chấp của các NHTMCP diễn ra, vòng tròn luẩn quẩn tạo nên cơn lốc bán tháo sẽ khó có thể ngừng lại.

Cơ lũ “giải chấp” là nỗi ám ảnh lớn nhất của các nhà đầu tư trên TTCKVN trong thời gian qua

CON SỐ THỊ TRƯỜNG

222.843 tỷ đồng

Sự suy thoái của thị trường chứng khoán đã kéo giá cổ phiếu của các mã cổ phiếu niêm yết trên cả sàn HOSE và HASTC đồng loạt giảm mạnh. ***Giá trị vốn hóa của thị trường tính tới thời điểm 30/06/2008 chỉ còn 222.843 tỷ đồng, tương đương 35,61% GDP.*** So với thời điểm 30/12/2007, mức vốn hóa thị trường của cả 2 sàn chứng khoán đã giảm xuống khá mạnh, mặc dù số lượng các công ty niêm yết vẫn tăng lên so với cuối năm 2007.

▽ 521,67 điểm

Là mức giảm điểm của VN-Index tính tại thời điểm 30/6/2008 so với thời điểm 02/01/2008. Phiên giao dịch đầu năm VNIndex được thiết lập ở mức 921,07 điểm, đến thời điểm ngày 30/6, VNIndex chỉ còn 399,40 điểm.

Con số tương tự tại HASTC là Hasc-Index giảm 209,67 điểm, tương đương 65,05%. (Hasc Index – 30/6: 112,67 điểm, 02/01: 322,34 điểm).

366,02 điểm

Là mức đáy của VN-Index thiết lập vào phiên giao dịch ngày 20/06/2008. Nếu so sánh với mốc đỉnh của thị trường chứng khoán được thiết lập vào ngày 12/03/2007 là 1.170,37 điểm, thì VNIndex đã mất đi 68,72% giá trị.

107,76 điểm

Hasc-Index chạm mốc đáy 107,76 điểm vào ngày 10/06/2008, giảm 76,54% so với đỉnh 459,36 điểm của Hasc-Index. Chỉ số Hasc – Index đã có nguy cơ trở về mốc điểm cơ bản đầu tiên khi tiến sát về mốc 100 điểm.

103/287

Có tới 103 mã trong 287 mã CP niêm yết có giá thị trường nhỏ hơn giá trị sổ sách. Cụm từ “dưới giá trị thật” được sử dụng thường xuyên trong thời gian thị trường sụt giảm, nó minh chứng cho việc giá cổ phiếu giao dịch đang ở dưới mức giá trị được tính toán dựa trên tài sản thực tế của doanh nghiệp.

▽ **91,01%**

Là mức giảm lớn nhất của một mã cổ phiếu tại thời điểm 30/6/2008 so với thời điểm 02/01/2008. Mức giảm này thuộc về mã NTL của Công ty xây dựng phát triển đô thị Từ Liêm. Ngoài ra, trên HOSE, trong giai đoạn này có tới 13 mã cổ phiếu có mức giảm lên trên 80%. Ngược lại không có mã cổ phiếu nào tăng giá trong giai đoạn này.

Tại HASTC, ngoài S99 có sự ảnh hưởng của việc chia tách, mã giảm mạnh nhất là PVE với mức giảm 87,16%. Có 33 mã đạt mức giảm trên 80%. Duy nhất 1 mã tăng giá là DTC với mức tăng khiêm tốn 600đ/CP, tương đương 1,46%.

HOSE

ĐV: đồng

Mã CK	Giá 02.01.08	Giá 30.06.08	Chênh lệch	%
TCT	339	63	-276	-81,42
BMC	332	57	-275	-82,83
NTL	288	25,9	-262,1	-91,01
SJS	252	46,2	-205,8	-81,67
FPT	219	50	-169	-77,17
SC5	180	27,2	-152,8	-84,89
SSI	168	32	-136	-80,95
BMP	165	39,1	-125,9	-76,30
HRC	166	43,3	-122,7	-73,92
NAV	135	15,9	-119,1	-88,22

HASTC

ĐV: đồng

Mã CK	Giá 02.01.08	Giá 30.06.08	Chênh lệch	%
S99	349,3	35,1	-314,2	-89,95
RCL	319,2	43,7	-275,5	-86,31
BVS	209,9	31,8	-178,1	-84,85
SCJ	204	42,3	-161,7	-79,26
SNG	182,9	27,2	-155,7	-85,13
MIC	220,5	65,1	-155,4	-70,48
SDA	170,5	23,5	-147	-86,22
PAN	160	25,3	-134,7	-84,19
PVE	140,2	18	-122,2	-87,16
VSP	166,9	48,1	-118,8	-71,18

≈ 1 triệu CP/1 phiên

Khôì giao dịch toàn thị trường của HOSE đã có lúc chỉ đạt 1 triệu CP/phiên, so sánh với mức trung bình 11,3 triệu CP/phiên vào thời điểm thị trường “nóng” trong tháng 11/2007. Điều này cho thấy tính thanh khoản của thị trường đã gần như đóng băng. Hiện tượng dư bán sàn ở hầu hết các mã chứng khoán đã khiến các nhà đầu tư e ngại với kênh huy động vốn hiệu quả này.

Tổng KLGD, GTGD – Trung bình theo phiên SÀN HOSE

Số phiên	Tổng KLGD	KL Bình quân phiên	Tổng GTGD (tỷ đồng)	GT Bình quân phiên (tỷ đồng)
115	901.023.061	7.834.983	53,026	461

SÀN HASTC

Số phiên	Tổng KLGD	KL Bình quân phiên	Tổng GTGD (tỷ đồng)	GT Bình quân phiên (tỷ đồng)
118	383.660.003	3.251.355	19.795	167

102.726.427 CP

Là lượng mua ròng của khối nhà ĐTNN trên sàn HOSE trong nửa đầu năm 2008. Mặc dù thị trường suy giảm và có những thời điểm gần như đóng băng nhưng khối ngoại vẫn mua vào đều đặn. Lượng mua vào gấp 2,3 lần lượng bán ra và tập trung vào các mã bluechip như: SSI, DPM, FPT, PVD... Vai trò của các nhà ĐTNN trên thị trường Việt Nam được khẳng định rõ rệt qua việc đỡ giá một số mã cổ phiếu chủ chốt, nhằm giữ cho thị trường không bị suy giảm quá nhanh. Trong giai đoạn tháng 3-4/2008, lượng giao dịch của khối ngoại chiếm hơn 20% của thị trường và là lượng cầu quan trọng để đối phó với nguồn cung khá lớn từ cổ phiếu repo của các ngân hàng và công ty chứng khoán.

Giao dịch của NĐTNN trong 6 tháng đầu năm 2008 tại HOSE

	Toàn thị trường		Khớp lệnh		Thỏa thuận	
	Mua	Bán	Mua	Bán	Mua	Bán
Khối lượng GD (CP)	183.025.036	80.298.609	159.965.550	68.840.980	23.059.486	11.457.629

620.729.900 CP

Là chênh lệch khối lượng đặt bán so với khối lượng đặt mua của toàn thị trường trên sàn HOSE trong nửa đầu năm 2008. Khối lượng này cũng nói lên xu hướng bán cổ phiếu luôn chiếm ưu thế trong diễn biến giao dịch của thị trường chứng khoán trong 6 tháng đầu năm. Trong đó lượng bán mạnh chủ yếu tập trung ở các mã cổ phiếu blue-chip như SSI, FPT, STB... vốn được giao dịch sôi động trước đây thì trong 6 tháng qua đều giao dịch ở tình trạng bán sàn không có cầu mua.

Ngược lại với diễn biến của sàn HOSE, lượng mua ròng trên sàn HASTC tuy không lớn chỉ chiếm 1.839.000 đơn vị, nhưng con số này cũng cho thấy lượng cung cầu tương đối cân bằng của thị trường, hiện tượng bán sàn hoặc mua trần thường chỉ diễn ra trong ngắn hạn.

Cung – cầu cổ phiếu trong 6 tháng đầu năm 2008 tại HOSE

Số lệnh đặt			Khối lượng đặt		
Mua	Bán	Mua - Bán	Mua	Bán	Mua - Bán
1.121.165	1.150.947	-29.782	1.815.870.100	2.436.600.000	-620.729.900

Cung – cầu cổ phiếu trong 6 tháng đầu năm 2008 tại HASTC

Số lệnh đặt			Khối lượng đặt		
Mua	Bán	Mua - Bán	Mua	Bán	Mua - Bán
14.357	11.687	-2.670	20.292.900	18.453.000	1.839.900

MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGÀNH

Những tháng đầu năm 2008, TTCK Việt Nam chứng kiến sự sụt giảm của toàn thị trường, tất cả các ngành đều giảm mạnh, dẫn đầu là ngành Công nghệ giảm tới 76,46% so với đầu năm. Tuy nhiên so với quý I, tốc độ giảm trong quý II của cổ phiếu các ngành đã giảm xuống do một số nguyên nhân: (i) biên độ giao dịch giảm mạnh vào cuối tháng 3 ở cả 2 sàn Hasc và Hose, (ii) giá cổ phiếu đã xuống rất thấp, (iii) xuất hiện một số phiên đi lên trong tháng 4 (đồng thời với thời điểm tăng biên độ từ ngày 7/4) và cuối tháng 6 (đồng thời với thời điểm tăng biên độ tiếp theo ngày 19/6).

Biến động một số chỉ số ngành

	Mã ngành	Biến động chỉ số ngành (%)	
		3 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
Dầu khí	0001	-40,23	-54,02
Nguyên vật liệu	1000	-36,86	-51,39
Công nghiệp	2000	-48,44	-67,89
Hàng tiêu dùng	3000	-35,12	-46,50
Y tế	4000	-37,55	-45,62
Dịch vụ tiêu dùng	5000	-46,87	-64,71
Dịch vụ thiết yếu	7000	-36,56	-54,95
Tài chính	8000	-40,09	-62,44
Công nghệ	9000	-57,10	-76,46
HascIndex		-43,71	-65,05
VN-Index		-43,89	-56,64

Một số ngành được đánh giá tốt và có mức độ sụt giảm thấp trong thời gian qua như Hàng tiêu dùng, Y tế, Nguyên vật liệu, Dịch vụ thiết yếu... đều là các ngành ít bị tác động tiêu cực từ sự bất ổn của nền kinh tế trong nước và thế giới. Ngành Dầu khí cũng có được mức giảm nằm trong nhóm thấp, nguyên nhân là do sự hỗ trợ của thông tin liên tiếp phá đỉnh của giá dầu thế giới, tình hình hoạt động tích cực của các công ty trong ngành và lượng mua mạnh từ nhà đầu tư nước ngoài.

Những ngành bị tác động tương đối mạnh trong giai đoạn này là Công nghệ, Công nghiệp, Tài chính. Quý I, ngành Tài chính giữ được mức giảm không quá sâu, tuy nhiên đã không duy trì được trong quý II do tác động của lạm phát toàn cầu, biến động mạnh của các ngoại tệ mạnh, giá vàng, giá dầu và các biện pháp thắt chặt tiền tệ, tín dụng của chính phủ... Ngành Công nghiệp - trong đó đa phần là các công ty xây dựng chịu tác động của sự tăng vọt giá nguyên vật liệu xây dựng làm cho hoạt động của những công ty này gặp khó khăn, ảnh hưởng đến tình hình doanh thu và lợi nhuận.

Một số ngành đang được các nhà đầu tư chú ý đến và có tình hình hoạt động tương đối tốt: ngành Cao su thiên nhiên, Dược....

Ngành Cao su thiên nhiên

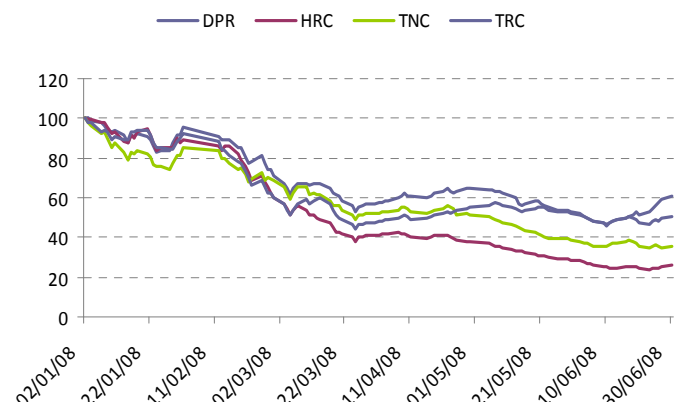
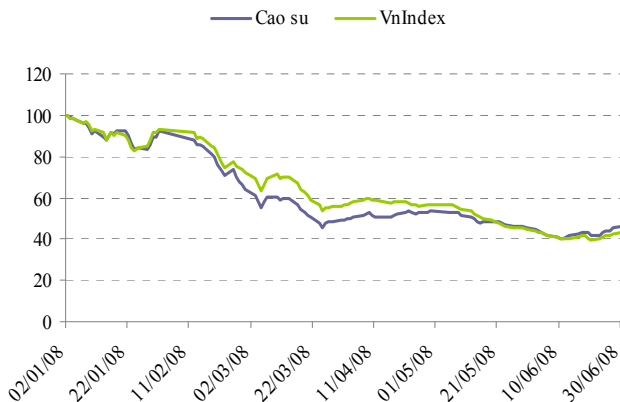
Ngành cao su thiên nhiên có tốc độ tăng trưởng cao, bình quân 15%/năm về sản lượng và trên 40%/năm về giá trị xuất khẩu trong giai đoạn 2003-2007. Ngành cao su Việt Nam đang có nhiều thuận lợi để phát triển, do tác động tích cực của một số yếu tố toàn cầu cũng như trong nước:

- Nhu cầu cao su thiên nhiên thế giới tăng cao, bình quân 5%/năm, thị trường luôn trong trạng thái cầu vượt cung;
- Thị trường tiêu thụ chính cao su thiên nhiên là ngành công nghiệp ô tô phát triển mạnh, đặc biệt là ở 2 cường quốc dân số là Trung Quốc và Ấn Độ;
- Giá dầu thô – nguyên liệu chính để sản xuất cao su tổng hợp tăng mạnh làm tăng chi phí sản xuất cao su tổng hợp nên nhiều nhà sản xuất đã chuyển sang cao su thiên nhiên thay thế cho cao su tổng hợp;
- Diễn biến giá có lợi cho nhà sản xuất;

Cao su thiên nhiên Việt Nam có năng suất cao (đứng thứ 2 thế giới- chỉ sau Ấn Độ) và hầu hết diện tích trồng đang trong thời kỳ cho mủ nhiều nhất.

Mã	Công ty	Giá (30/6/08)	% thay đổi (6 tháng đầu năm)	Khối lượng NY	Giá trị thị trường (tỷ đồng)	EPS 2007	P/E	P/B
DPR	CTCP Cao su Đồng Phú	52.500	-38,95	40.000.000	2.100	5.801	9,1	3,3
HRC	CTCP Cao su Hòa Bình	43.300	-73,92	17.260.976	747	7.751	5,6	2,2
TNC	CTCP Cao su Thống Nhất	13.200	-64,13	19.250.000	254	1.735	7,6	1,2
TRC	CTCP Cao su Tây Ninh	62.000	-49,59	30.000.000	1.860	5.915	10,5	4,0

Các chỉ tiêu được thống kê vào ngày 30/06/2008



Đầu năm 2008 đến nay, cổ phiếu ngành cao su thiên nhiên giảm mạnh theo xu thế của toàn thị trường, tuy nhiên cuối tháng 6, khi thị trường có dấu hiệu phục hồi thì những cổ phiếu này đã vượt lên mạnh mẽ.

Cổ phiếu ngành cao su trong giai đoạn hiện nay là tương đối tốt do giá cao su thế giới và trong nước đang tăng mạnh. Bên cạnh đó thị trường chứng khoán đang có những dấu hiệu tương đối tích cực sẽ là động lực lớn để cổ phiếu ngành cao su tăng trưởng.

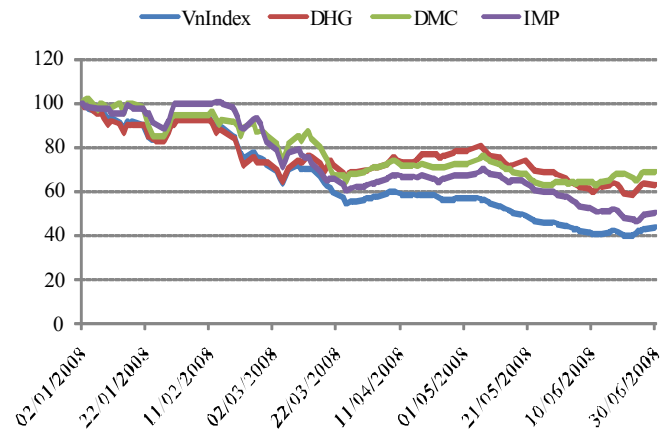
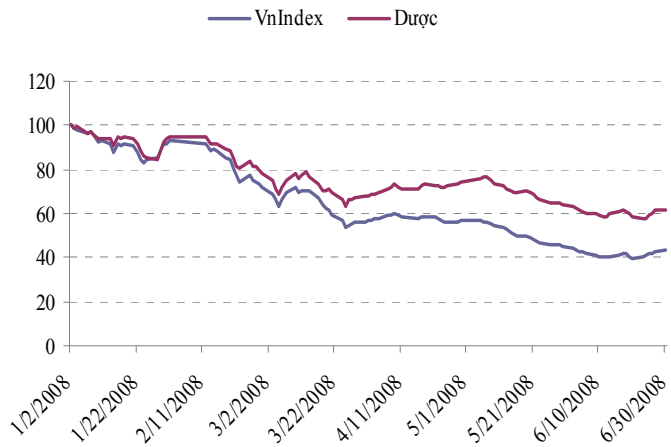
Ngành Dược

Dược phẩm được đánh giá là một ngành có tốc độ tăng trưởng nhanh do nhu cầu tiêu dùng tăng lên nhanh chóng và sự xuất hiện ngày càng nhiều loại thuốc mới. Trong giai đoạn 2000-2007, doanh số bán thuốc trên thế giới đã tăng trưởng bình quân 10,5%/năm.

Giá trị thị trường dược phẩm Việt Nam cũng tăng lên nhanh chóng trong thời kỳ 2000-2007 với tốc độ tăng trung bình 16% hàng năm, cao hơn gấp đôi mức tăng trưởng GDP hàng năm (từ 391 triệu USD năm 2000 tăng lên 1.136 triệu USD năm 2007). Từ nay đến năm 2010, theo dự báo của IMS và Cục Quản lý Dược, tốc độ tăng trưởng thị trường dược phẩm Việt Nam cũng sẽ duy trì ở mức 15-18%/năm. Tiềm năng thị trường dược Việt Nam rất lớn do tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập đầu người cao dẫn tới nhu cầu sử dụng thuốc ngày càng cao cũng như tiền thuốc bình quân đầu người còn rất thấp. Tuy nhiên thuốc nhập khẩu và biệt dược vẫn chiếm ưu thế ở thị trường Việt Nam và đặc biệt trong thời gian tới, ngành sản xuất dược nội địa phải đối mặt với nhiều thách thức do mở cửa thị trường theo lộ trình WTO (giảm thuế nhập khẩu và tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ).

Mã	Công ty	Giá (30/06/08) Đồng	% thay đổi (6 tháng đầu năm)	Khối lượng NY (CP)	Giá trị thị trường (tỷ đồng)	EPS 2007	P/E	P/B
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	143.000	-37,00	20.000.000	2.860	6.416	22,29	4,50
DMC	CTCP XNK Y tế Domesco	112.000	-31,29	13.770.000	1.542	4.661	24,03	3,34
IMP	CTCP Dược phẩm Imexpharm	97.000	-49,74	11.498.750	1.115	4.741	20,46	2,25

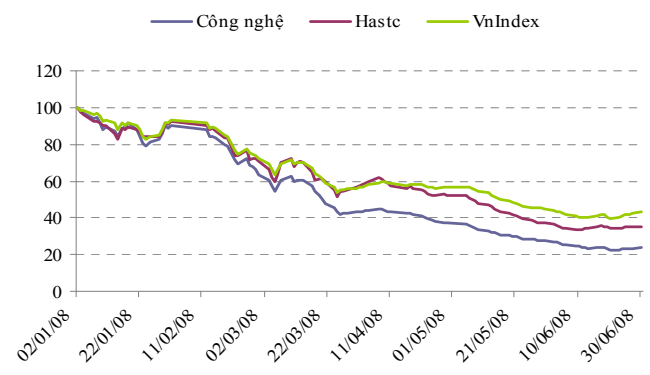
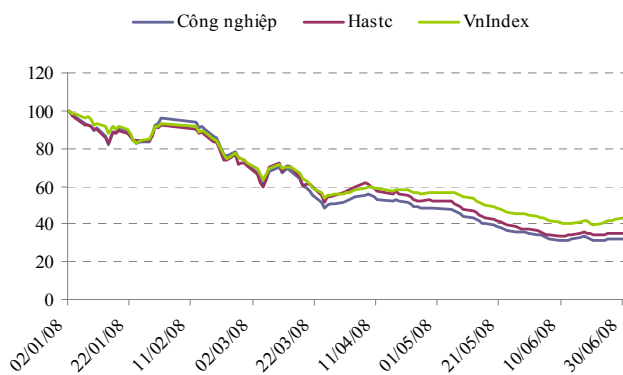
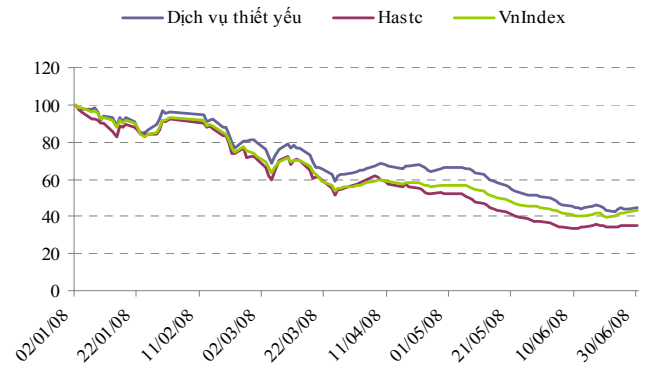
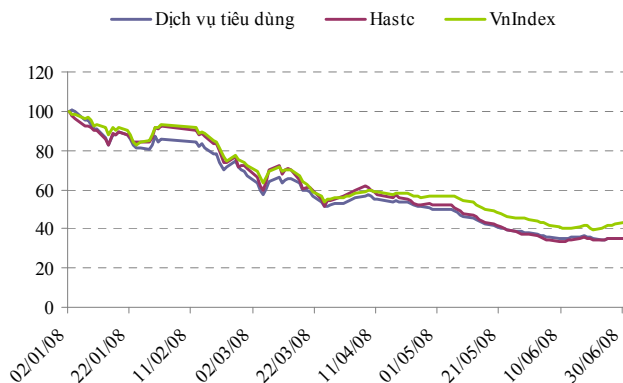
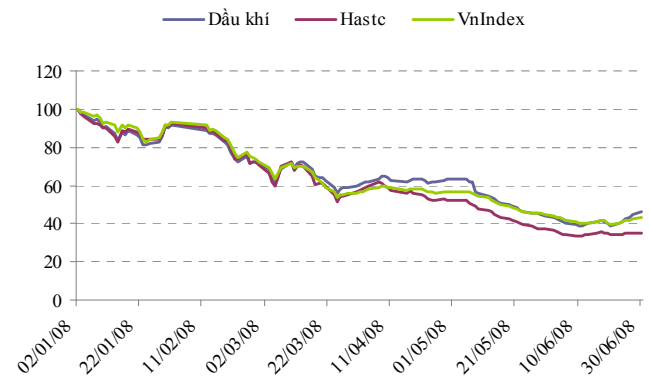
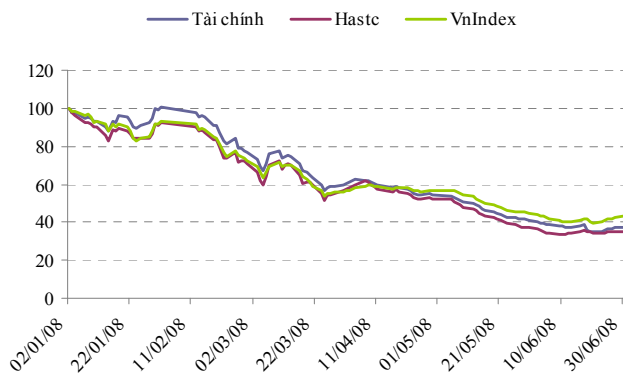
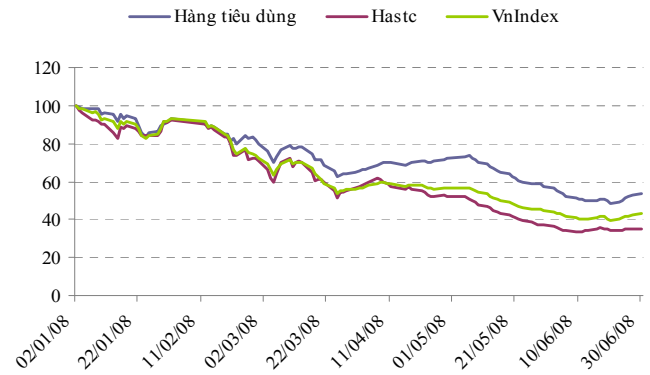
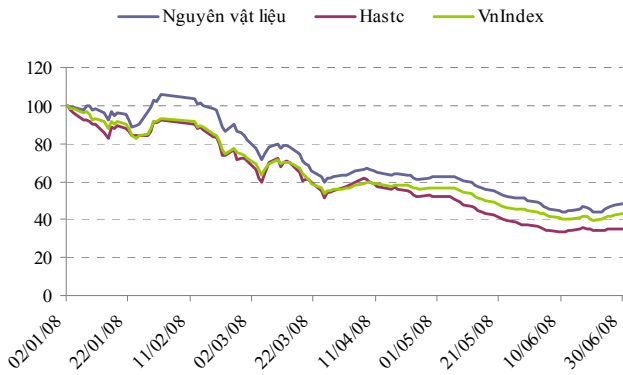
Các chỉ tiêu được thống kê vào ngày 30/06/2008



Cổ phiếu ngành dược có biến động tích cực hơn: khi thị trường tăng cổ phiếu ngành tăng mạnh hơn, còn khi giảm thì giảm chậm hơn.

Trong 6 tháng đầu năm, cổ phiếu ngành dược giảm thấp hơn mức độ giảm của toàn thị trường và thấp hơn so với các cổ phiếu Bluechip khác. Nguyên nhân giảm giá của cổ phiếu ngành dược trong giai đoạn này ngoài do yếu tố bị ảnh hưởng bởi sự sụt giảm mạnh của thị trường chứng khoán, còn do giá của nguyên liệu đầu vào tăng mạnh (30% đến 100% so với đầu năm), trong khi đó giá bán ra lại bị kìm chế theo quy định của Bộ Y tế - điều này ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của các công ty trong ngành từ đó tác động đến giá cổ phiếu. Tuy nhiên, 3 cổ phiếu dược là 3 trong số 6 cổ phiếu trên sàn HOSE có giá trên 100 nghìn đồng. Những cổ phiếu này giữ được giá ngoài hoạt động tương đối tích cực của ngành và doanh nghiệp còn vì yếu tố cơ cấu cổ đông (số lượng cổ phiếu ở ngoài thị trường không nhiều, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài cộng với sở hữu nhà nước chiếm khoảng hơn 80%, do đó hạn chế sự giảm giá của cổ phiếu trên thị trường).

So sánh VN-Index và Hasc với một số chỉ số ngành



**KỊCH BẢN NÀO CHO
6 THÁNG CUỐI NĂM ?**





KỊCH BẢN NÀO CHO 6 THÁNG CUỐI NĂM?

Triển vọng của nền kinh tế

Cam kết tiếp tục giữ ổn định một số yếu tố đầu vào có thể sẽ là một động lực giúp kiểm soát lạm phát vào 6 tháng cuối năm

Những chuyển biến tích cực:

🚩 Lạm phát bắt đầu được kiểm soát

Sau đợt tăng mạnh vào những tháng đầu năm, đến nay lạm phát bắt đầu được kiểm soát khi chỉ số giá tiêu dùng đã có dấu hiệu tăng chậm lại, CPI tháng 6 tăng 2,14%, giảm 45% so với tốc độ CPI của tháng 5 và là tháng có tốc độ tăng CPI thấp nhất kể từ đầu năm. Dấu hiệu giảm tốc của chỉ số giá tiêu dùng cho thấy các giải pháp kiểm chế lạm phát bước đầu đã phát huy tác dụng.

Chính phủ tiếp tục cam kết ưu tiên kiểm soát lạm phát và nhập siêu. Giá một số yếu tố đầu vào như giá điện, nước sạch và cước vận chuyển xe buýt công cộng đến hết năm 2008. Riêng đối với mặt hàng xăng dầu, Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính nghiên cứu xây dựng lộ trình điều chỉnh giá bán theo hướng ưu tiên thực hiện mục tiêu kiểm chế lạm phát, phù hợp với khả năng bù lỗ từ ngân sách nhà nước và thực hiện Quỹ bình ổn giá xăng dầu tại doanh nghiệp khi có điều kiện thuận lợi. Chính phủ cũng đặt mục tiêu giữ mức nhập siêu cả năm 2008 ở mức 20 tỷ USD, phấn đấu nâng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu từ 25% lên 28%.

Với cam kết và các biện pháp mạnh tay của Chính phủ trong việc tiếp tục kiểm soát lạm phát và nhập siêu, trong điều kiện giá xăng dầu không biến động mạnh, chúng ta có thể lạc quan và kỳ vọng vào việc lạm phát sẽ giảm dần trong các tháng cuối năm. Tuy nhiên, với diễn biến phức tạp của kinh tế thế giới, đặc biệt là tình trạng leo thang giá lương thực, thực phẩm, giá dầu trong thời gian gần đây, nền kinh tế Việt Nam vẫn có nguy cơ phải đối mặt với sức ép lạm phát và thâm hụt cán cân thương mại đáng lo ngại.

🚩 Tăng trưởng GDP gần đạt chỉ tiêu đặt ra so với mục tiêu điều chỉnh

Chính phủ quyết tâm cắt giảm mạnh và nhanh hơn nữa đầu tư công và chi tiêu công

Tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm ước tính đạt 6,5% - đây là mức khá cao trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm, kinh tế trong nước cũng gặp nhiều khó khăn như hiện nay, mặc dù tỷ lệ này thấp hơn cùng kỳ các năm trước. Thông lệ, hai quý cuối năm thường có tốc độ tăng trưởng cao hơn, do vậy vẫn có khả năng Việt Nam đạt được tốc độ tăng trưởng GDP của cả năm là 7% theo kế hoạch điều chỉnh.

🚩 Đầu tư công và chi tiêu công giảm:

Một trong những biện pháp Chính phủ tập trung nhằm kiềm chế lạm phát là cắt giảm chi tiêu công và quản lý chặt chẽ đầu tư công. Theo báo cáo không chính thức của Bộ kế hoạch đầu tư, 10% chi tiêu công đã được cắt giảm từ đầu năm và còn có 716 dự án với tổng số vốn khoảng 5.000 tỷ VND đang trong lộ trình cắt giảm. So với con số 112.000 tỷ đồng tổng số đầu tư từ ngân sách năm 2007 thì con số này còn khá khiêm tốn, nhưng cũng đã góp một phần rất đáng kể trong việc kiềm chế lạm phát từ đầu năm tới nay. Trong kỳ họp Quốc hội vào tháng 5 vừa qua, Chính phủ đã quyết tâm sẽ cắt giảm mạnh và nhanh hơn nữa đầu tư công và chi tiêu công, với mục tiêu cắt giảm thêm 10% chi tiêu công trong nửa năm cuối.

🚩 NHNN công bố mức dự trữ ngoại hối của quốc gia

Trong buổi tọa đàm với giới đầu tư trong và ngoài nước vào ngày 19/6/2008, NHNN đã công bố con số dự trữ ngoại tệ của Việt Nam là 20,7 tỷ USD, cho thấy:

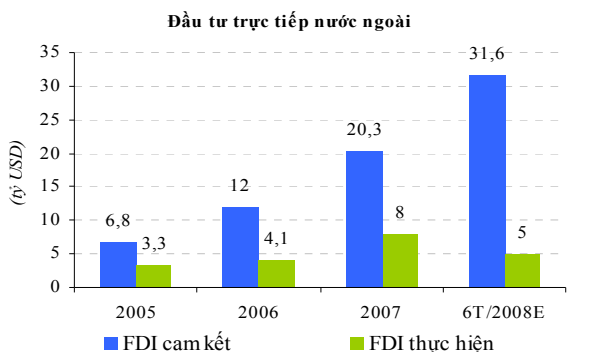
- Dự trữ ngoại tệ quốc gia hoàn toàn đủ trang trải nhập siêu của nền kinh tế
- So với mức trung bình khoảng 9 – 11 tỷ USD cách đây hai năm thì đây được xem là một bước tăng trưởng mạnh trong dự trữ ngoại tệ của Việt Nam
- Cho thấy khả năng can thiệp bình ổn tỷ giá của NHNN, đặc biệt trong bối cảnh thị trường USD có dấu hiệu nóng lên một cách bất thường trong những ngày cuối tháng 6 vừa qua.

Standard & Poor và ANZ cũng đã khẳng định: Việt Nam chưa xuất hiện khủng hoảng ngoại hối mặc dù gần đây thị trường ngoại tệ trong nước liên tiếp biến động mạnh. Sẽ không có tình trạng vốn đầu tư nước ngoài ồ ạt rút khỏi Việt Nam.

🚩 Đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng kỷ lục

Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn của các nhà ĐTNN. Tính đến 20/06/2008, tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài lên tới mức kỷ lục 31,6 tỷ USD, gấp hơn 3,7 lần so với cùng kỳ năm trước và vượt xa con số 20,3 tỷ USD của cả năm 2007, trong đó lĩnh vực công nghiệp và xây dựng dẫn đầu trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, chiếm tới 62,3% tổng số dự án và chiếm 55,4% tổng số vốn đăng ký. Dòng vốn FDI dồi dào sẽ góp phần giảm áp lực lên cán cân thanh toán.

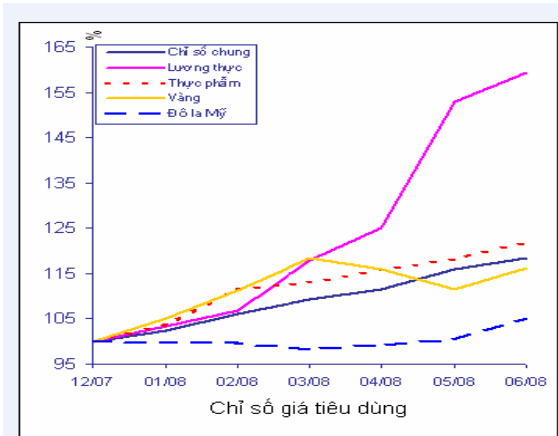
Ngày 19/6/2008, NHNN đã công bố dự trữ ngoại tệ của Việt Nam là 20,7 tỷ USD.



Nguồn: Bộ Kế hoạch – Đầu tư

Nguy cơ, rủi ro

Kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm có khả năng vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn: Giá tiêu dùng tăng cao; Giá vàng và ngoại tệ biến động mạnh; Nhập siêu lớn; Tiến độ giải ngân vốn chậm....



Nhiệm vụ kinh tế trọng tâm 6 tháng cuối năm 2008 vẫn tập trung vào việc tiếp tục kiềm chế lạm phát, giảm nhập siêu và tốc độ tăng giá hàng tiêu dùng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; đồng thời duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý để bảo đảm cho sự phát triển cao, bền vững trong những năm tới.

Tuy nhiên kinh tế - xã hội trong 6 tháng cuối năm vẫn còn thể hiện trên một số thách thức lớn:

- Giá tiêu dùng tăng cao; giá lương thực thế giới chưa có dấu hiệu hạ nhiệt kéo giá trong nước tăng lên. Điều này làm cho nỗ lực kiềm chế tốc độ tăng CPI gặp nhiều khó khăn. Ngay cả khi nền kinh tế đi theo kịch bản lạc quan nhất, thì CPI cả năm ước tính cũng đã vượt quá 25%.
- Giá vàng và ngoại tệ biến động mạnh do bị ảnh hưởng bởi sự biến động của thị trường thế giới.
- Nhập siêu vẫn còn lớn, đe dọa sự ổn định kinh tế vĩ mô. Nhập siêu của 5 tháng đầu năm đã ở mức trên 14,4 tỷ USD, cao hơn mức nhập siêu của cả năm 2007 và đang có xu hướng tiếp tục tăng.
- Khối lượng thực hiện và giải ngân của các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách, trái phiếu Chính phủ đều chậm so với tiến độ đề ra.

Đứng trước những thách thức đó, để thực hiện mục tiêu ưu tiên hàng đầu là kiềm chế lạm phát, Chính phủ vẫn tiếp tục thực hiện chính sách tài chính - tiền tệ chặt chẽ, nhưng sẽ linh hoạt hơn trong điều hành.

Nguy cơ về một cuộc suy thoái???

Trước những diễn biến kinh tế vĩ mô bất lợi trong thời gian vừa qua, một số báo cáo của các tổ chức nước ngoài tỏ ra lo ngại về nguy cơ một cuộc khủng hoảng tương tự khủng hoảng tài chính Đông Nam Á 1997. Tuy nền kinh tế Việt Nam đang đối mặt với một số dấu hiệu tương tự các nước Đông Nam Á giai đoạn khủng hoảng như tăng trưởng kinh tế cao trong một thời gian dài, thâm hụt cán cân thương mại, thị trường bất động sản phát triển "bong bóng", lãi suất cao hấp dẫn, dòng vốn nước ngoài vào Việt Nam tăng mạnh, thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh,... song điểm khác biệt đáng lưu ý là Việt Nam có hàng rào kiểm soát đối với dòng vốn ngoại trong khi các nước Đông

Nam Á đã mở cửa tự do dòng vốn. Việc kiểm soát dòng vốn nước ngoài sẽ hạn chế rủi ro khi dòng vốn này đảo chiều, rút khỏi thị trường, dẫn tới tình trạng khủng hoảng cán cân thanh toán, thả nổi đồng tiền nội tệ như trong trường hợp của một số nước Đông Nam Á trong cuộc khủng hoảng tài chính 1997.

Quan trọng hơn, một loạt các chính sách mạnh tay của Chính phủ trong thời gian qua nhằm kiểm soát lạm phát và tình trạng nhập siêu bước đầu đã phát huy tác dụng, đà tăng lạm phát chậm lại, nhập khẩu đang có xu hướng giảm dần giảm áp lực nhập siêu, thị trường ngoại tệ dần ổn định, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tiếp tục đổ vào Việt Nam. Những chuyển biến tích cực này góp phần từng bước ổn định kinh tế vĩ mô, tránh nguy cơ khủng hoảng.

Triển vọng của TTCK

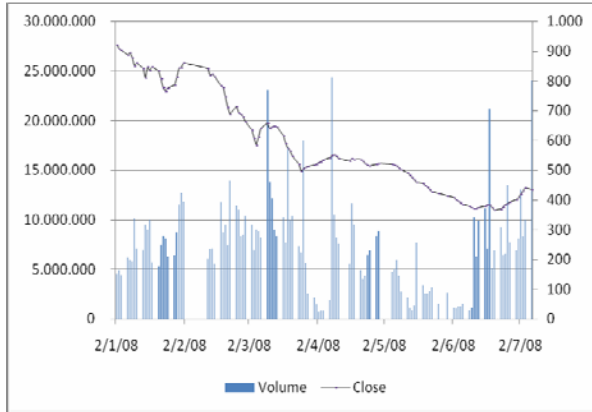
Yếu tố tích cực hỗ trợ

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những bước hồi phục mạnh mẽ nhờ những thông tin tích cực về triển vọng phục hồi của nền kinh tế, 2 chỉ số trên thị trường Vn-Index và Hsbc-Index đã tăng điểm trở lại vào cuối Tháng 6 giúp các nhà đầu tư có thêm niềm tin và quay trở lại với TTCK. Tính thanh khoản của thị trường được cải thiện rõ rệt khi lượng cầu trên thị trường có dấu hiệu tăng mạnh mẽ. Niềm tin vào khả năng hồi phục bền vững của TTCK càng được củng cố hơn khi thị trường đang có một số tín hiệu tích cực:

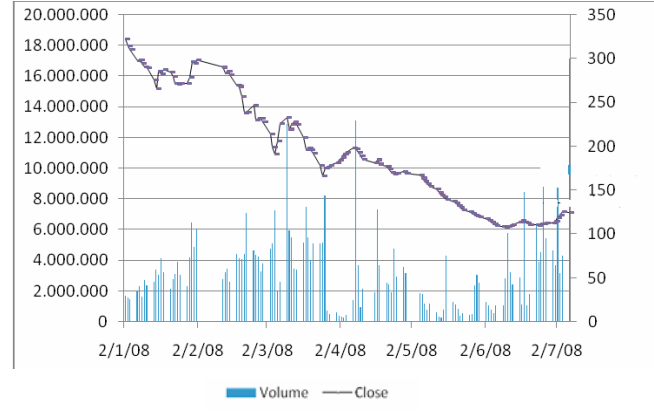
🚩 VN-Index và Hsbc-Index đã giảm quá sâu.

So với mốc điểm 921,07 thiết lập vào ngày giao dịch đầu tiên trong năm (02/01/2008), VN-Index đã xuống mức thấp nhất 366,02 điểm vào ngày 20/06/2008, tương đương mức giảm 60,26%. Nếu so sánh với mốc đỉnh của thị trường chứng khoán được thiết lập vào ngày 12/03/2007 là 1.170,37 điểm, thì VN-Index đã mất đi gần 70% giá trị. Tương tự đối sàn Hà Nội, chỉ số Hsbc Index cũng giảm 66,56% khi chạm mốc đáy 107,76 điểm vào ngày 10/06/2008 trong khi chỉ số phiên đầu năm đạt 322,34 điểm.

Trong lịch sử hơn 8 năm hoạt động, VN-Index đã có giai đoạn giảm sâu kỷ lục. Năm 2001 sau khi đạt ngưỡng 571 điểm, VN-Index đã nhanh chóng rơi về sát mốc 100 điểm tức giảm gần 80%. Những số liệu trên cho thấy đây là cơ hội để các nhà đầu tư chọn thời điểm để mua vào cổ phiếu và sở hữu những cổ phiếu “giá rẻ”.



HOSE - INDEX



HASTC - INDEX

📌 Chỉ số P/E bình quân tại hai sàn thấp

Trong giai đoạn thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh vào những tháng đầu năm, giá các loại cổ phiếu đã giảm xuống mức thấp kỷ lục, có rất nhiều mã cổ phiếu trên cả 2 sàn giao dịch có mức giá giao dịch giảm xuống dưới giá trị thực, thậm chí có nhiều mã cổ phiếu giảm xuống dưới mệnh giá. Thống kê trên 2 sàn giao dịch tại thời điểm ngày 30/06/2008 cho thấy có 9 mã cổ phiếu được giao dịch dưới mệnh giá, trong đó sàn HOSE có 6 CP và CCQ, HASTC có 3 CP; nhiều mã cổ phiếu cũng bị giao dịch tại mức giá thấp hơn giá trị sổ sách.

Với chỉ số P/E thấp như hiện nay, các nhà đầu tư dài hạn sẽ có cơ hội sở hữu những cổ phiếu có chỉ số tài chính tốt, đạt mức tăng trưởng lợi nhuận cao... Điều này sẽ mang lại cơ hội đạt mức lợi suất cao trong tương lai khi thị trường được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trong những tháng cuối năm.

P/E bình quân của phần lớn cổ phiếu trên sàn đang ở mức dưới 10 lần.

Chỉ số P/E của một số mã cổ phiếu tiêu biểu trên 2 sàn tại thời điểm 30/6/2008

HOSE		HASTC	
Mã CP	P/E	Mã CP	P/E
BMI	9,89	ACB	5,84
FPT	6,05	BVS	2,22
GMD	7,91	HNH	8,72
HPG	6,78	HPC	1,57
KDC	12,21	KLS	1,72
PVD	12,95	NTP	3,96
SJS	4,95	PAN	3,41
SSI	6,90	PVI	5,68
STB	6,84	PVS	8,21
TDH	8,71	RCL	5,53

Hàng hoá có chất lượng cao sẽ được niêm yết trên sàn

Thời điểm 6 tháng cuối năm thường được coi là “mùa niêm yết” của các công ty trên cả 2 sàn Hà Nội và Hồ Chí Minh. Sau một thời gian ngừng trệ do thị trường chứng khoán ảm đạm kéo dài, trong thời gian tới - khi những tín hiệu tích cực từ chuyển biến kinh tế vĩ mô đã thể hiện rõ nét và thị trường chứng khoán có dấu hiệu phục hồi nhanh chóng các doanh nghiệp sẽ tự tin hơn với kế hoạch xin niêm yết trên cả 2 sàn giao dịch.

Thị trường chứng khoán cuối năm sẽ sôi động hơn khi có sự góp mặt của những hàng hóa chất lượng cao: VCB, PVFC, Vinaconex....

Thị trường chứng khoán cuối năm sẽ sôi động hơn khi có sự góp mặt của những hàng hóa chất lượng cao. Nhiều doanh nghiệp lớn như VCB, PVFC, Vinaconex đã khẳng định quyết tâm lên sàn. Tập đoàn điện lực VN cũng chỉ đạo các DN đã IPO như Nhiệt điện Ninh Bình, Nhiệt điện Bà Rịa, Thủy điện Thác Mơ phải hoàn thành thủ tục theo quy định để niêm yết đúng tiến độ, ngoài ra còn nhiều doanh nghiệp nhỏ khác cũng đang có kế hoạch chuẩn bị cho việc niêm yết. Dự kiến đến cuối năm 2008 đầu năm 2009, TTCK VN sẽ có sự góp mặt của một số doanh nghiệp lớn có tên tuổi và khi những “đại gia” này lên sàn sẽ làm thay đổi cán cân của chỉ số chứng khoán.

Các biện pháp đang được nghiên cứu và áp dụng nhằm “cứu” thị trường

Trước những biến động bất thường của thị trường chứng khoán, để đảm bảo tính ổn định của thị trường, đồng thời củng cố lòng tin cho các nhà đầu tư, Chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước về chứng khoán đã nghiên cứu và đưa ra một số giải pháp nhằm “cứu” thị trường chứng khoán thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng như trong thời gian vừa qua và tạo tiền đề cho thị trường chứng khoán phát triển bền vững trong thời gian tới;

*** Tăng cường quản lý thị trường CK**

Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện một số biện pháp cấp bách nhằm ngăn ngừa các hành vi ảnh hưởng xấu đến TTCK, nhằm củng cố lòng tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước như nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán bất hợp pháp; nghiêm cấm việc các DNNN sử dụng vốn đầu tư của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn xây dựng cơ bản để tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần của các quỹ đầu tư chứng khoán....

Ý tưởng về việc thành lập quỹ bình ổn thị trường đã gây ra nhiều quan điểm trái ngược nhau do tính phức tạp trong việc quản lý và vận hành nó

*** Nghiên cứu việc thành lập Quỹ bình ổn thị trường**

Quỹ bình ổn chứng khoán là một mô hình góp vốn bằng tiền mặt của các thành viên thị trường nhằm ổn định thị trường chứng khoán khi có những chuyển biến mạnh. Số tiền đóng góp vào quỹ có thể chỉ là nguồn vốn của Nhà nước hoặc bao gồm cả nguồn đóng góp của các chủ thể tham gia thị trường. Quỹ tham gia hỗ trợ bình ổn thị trường bằng cách mua vào hoặc bán ra ra khi thị trường quá lạnh hoặc quá nóng.

*** Đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án tổ chức giao dịch chứng khoán cho các công ty đại chúng tại HASTC**

Tính đến cuối năm 2007, cả nước đã sắp xếp và cổ phần hóa được khoảng 3.800 doanh nghiệp, chiếm trên 70% doanh nghiệp cần phải sắp xếp lại. Tuy nhiên, hiện nay mới chỉ có 154 công ty niêm yết trên HOSE và 142 công ty niêm yết tại HASTC, như vậy, quy mô thị trường OTC là rất lớn, do vậy việc tiến hành tổ chức quản lý tập trung thị trường OTC là hết sức cần thiết.

Đứng trước nhu cầu cấp thiết đó, Bộ Tài chính đã chỉ đạo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án tổ chức giao dịch chứng khoán tập trung tại HASTC cho các công ty cổ phần đại chúng trong năm 2008 nhằm mở rộng thị trường chứng khoán có tổ chức.

*** Sửa đổi Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài**

Để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho NĐTNN tham gia đầu tư vào Việt Nam, Bộ Tài chính đã lấy ý kiến về dự thảo Quyết định về qui chế góp vốn, mua cổ phần của NĐTNN trong các doanh nghiệp VN để thay thế quyết định 36/2003/QĐ-TTg. Việc sửa đổi Quy chế góp vốn, mua cổ phần của NĐTNN theo hướng thông thoáng hơn, sẽ tạo cơ hội cho các NĐTNN tham gia đầu tư vào các doanh nghiệp VN, khi đó các doanh nghiệp được đầu tư công nghệ, nâng cao hiệu lực quản lý giúp tối đa hóa hiệu quả kinh doanh.

*** Nghiên cứu áp dụng các nghiệp vụ mới cho thị trường.**

Để tạo cơ hội cho nhà đầu tư có nhiều công cụ đầu tư linh hoạt hơn, nhằm tạo ra những đòn bẩy tài chính cho TTCK phát triển sôi động, cũng như tạo tính thanh khoản cho thị trường thì các cơ quan quản lý

Giao dịch ký quỹ, giao dịch bán khống đang được kỳ vọng sẽ sớm áp dụng để tăng tính sôi động và linh hoạt cho thị trường

nhà nước về thị trường chứng khoán cần nghiên cứu các nghiệp vụ mới cho thị trường chứng khoán và hướng đến việc cho phép áp dụng các nghiệp vụ mới vào hoạt động giao dịch chứng khoán như: giao dịch ký quỹ (margin trading), vay mượn chứng khoán (bán khống chứng khoán)

Trong thời gian tới, nếu các cơ quan quản lý nhà nước cho phép áp dụng 2 nghiệp vụ chứng khoán mới này vào hoạt động giao dịch chứng khoán sẽ mang lại lợi nhuận tối đa cho các nhà đầu tư, làm tăng nguồn thu cho các công ty chứng khoán từ các khoản phí giao dịch tăng, đồng thời làm tăng tính thanh khoản của thị trường.

Yếu tố tiêu cực

🚩 Khả năng có một đợt giải chấp mới của các NHTM?

Trong thời gian tới, thị trường tiền tệ vẫn còn phải đối mặt với những khó khăn nhất định. Các ngân hàng và doanh nghiệp vẫn chưa thoát ra khỏi tình trạng khan hiếm vốn. Các hợp đồng cầm cố chứng khoán được ký kết vào thời điểm đầu năm cũng đến giai đoạn thanh lý. Trong khi đó, vẫn có nhiều ý kiến lo ngại về sự tăng trưởng bền vững của TTCK. Những nguyên nhân này có thể sẽ đẩy các NHTM vào một đợt giải chấp mới, ảnh hưởng mạnh tới những diễn biến của thị trường.

Hơn thế, việc thiếu thông tin về các hợp đồng giải chấp là một trong những rủi ro lớn đối với nhà đầu tư. Nhà đầu tư không có thông tin rõ ràng về các loại cổ phiếu, số lượng, cũng như thời điểm nào ngân hàng giải chấp. Điều này khiến việc dự đoán thị trường trở nên khó khăn hơn vì không biết lúc nào lượng cổ phiếu này được bán ra, khi nào bán xong, từ đó dẫn tới tâm lý là luôn lo sợ thị trường có thể giảm mạnh bất kỳ lúc nào.

Thiếu thông tin về các hợp đồng giải chấp là một trong những rủi ro lớn đối với nhà đầu tư

🚩 Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng của các doanh nghiệp niêm yết sẽ không mấy khả quan?

Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh Quý I của phần lớn các doanh nghiệp niêm yết trên sàn đều tốt, thậm chí nhiều doanh nghiệp vượt xa kế hoạch đặt ra và so với cùng kỳ năm trước, nhưng theo dự báo, báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng của các doanh nghiệp niêm yết sẽ được công bố trong thời gian tới sẽ không mấy khả quan, thậm chí nhiều khả năng một số các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thua lỗ do một số nguyên nhân:

- Hai kênh huy động vốn cơ bản của doanh nghiệp là huy động qua TTCK và vay ngân hàng đều gặp khó khăn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu vốn phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Biến động tỷ giá giữa USD và tiền đồng Việt Nam chưa được điều tiết ổn định sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp (đặc biệt là những doanh nghiệp nhập khẩu) vì nó ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của doanh nghiệp.
- Chi phí đầu vào tăng cao do ảnh hưởng của lạm phát.

Tâm lý của các nhà đầu tư vẫn chưa thực sự ổn định

Sau một thời gian dài thị trường giảm mạnh, một số nhà đầu tư mất niềm tin khiến tình trạng bán tháo cổ phiếu diễn ra không có điểm dừng, rất nhiều nhà đầu tư đã rời bỏ thị trường để tìm kiếm các cơ hội đầu tư khác.

Các dấu hiệu chuyển biến tích cực của nền kinh tế cuối tháng 6 đã tạo tâm lý lạc quan cho các nhà đầu tư, nhưng do tâm lý chưa thực sự ổn định nên các nhà đầu tư vẫn băn khoăn, lo ngại và thiếu niềm tin vào thị trường. Điều này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường, bởi lẽ tâm lý của các nhà đầu tư luôn chi phối diễn biến của thị trường chứng khoán. Khi các nhà đầu tư lạc quan và đầu tư mạnh mẽ, thị trường chứng khoán sẽ tăng trưởng, khi các nhà đầu tư mất niềm tin và rút chạy khỏi thị trường, thì thị trường chứng khoán sẽ suy giảm nhanh chóng.

Sự cạnh tranh của các kênh đầu tư: vàng, bất động sản, ngoại tệ... trong việc thu hút nguồn tiền từ người dân.

Trong thời gian gần đây, tỷ giá giữa VND và USD liên tục tăng cao, điều này đã thu hút sự chú ý của không ít các nhà đầu tư, khiến dòng vốn chuyển dịch sang kênh đầu tư này diễn ra khá rõ nét. Giá USD trên thị trường tự do đã có lúc lên tới 19.800 VND. Dự báo trong thời gian tới, tỷ giá USD, đặc biệt là tại thị trường tự do vẫn tiếp tục có những biến động lớn, chủ yếu do:

- Nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp để nhập khẩu, trong khi nguồn cung chưa được cải thiện khiến cho cung cầu ngoại tệ tiếp tục mất cân đối

Biến động lớn của các kênh đầu tư vàng, ngoại tệ... vừa tiềm ẩn rất nhiều rủi ro, vừa là cơ hội cho không ít nhà đầu tư ưa mạo hiểm

- Dự báo có khả năng đồng USD sẽ phục hồi sau khi đã xuống giá mạnh so với hầu hết các đồng tiền mạnh trên thế giới.
- Hoạt động đầu cơ khiến cho nhu cầu về ngoại tệ tăng mạnh, trong khi đồng USD vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong thanh toán thương mại (khoảng 70%-80%). Cầu ngoại tệ cao đã đẩy lãi suất huy động USD 12 tháng lên mức 7,5%/năm

Các cơ hội đầu tư

Theo nhận định của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), kinh tế Việt Nam trong năm 2008 sẽ khó có thể tiếp tục tăng trưởng cao như năm 2007. Chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP dự báo thấp xa so với chỉ tiêu đề ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2008. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với thách thức lớn nhất là lạm phát và thâm hụt cán cân thương mại.

CIEM cũng đã dự đoán nền kinh tế Việt Nam năm 2008 với 3 kịch bản chính là kịch bản cơ bản, kịch bản lạc quan và kịch bản bi quan:

Dựa trên những phân tích về sự tác động của nền kinh tế thế giới và những diễn biến nội tại của kinh tế Việt Nam, CIEM đã đưa ra ba kịch bản cho nền kinh tế trong năm 2008.

Kịch bản	GDP (%)	Lạm phát (%)	Thâm hụt cán cân thương mại (% GDP)
Kịch bản lạc quan	7,6	16,7	16,6
Kịch bản cơ bản	7,2	19,4	17,3
Kịch bản bi quan	6,7	22,3	17,8

Kịch bản cơ bản: GDP năm 2008 tăng 7,2%, mức lạm phát (trung bình) là 19,4%, xuất khẩu tăng 26,2% và cán cân thương mại thâm hụt ở mức tương đương 17,3% GDP. Trong trường hợp nền kinh tế đi theo kịch bản này, có thể kỳ vọng thị trường chứng khoán sẽ ổn định hơn với tính thanh khoản được cải thiện. Một số dấu hiệu cho thấy nền kinh tế đang đi theo xu hướng:

- Cuộc đua lãi suất của các NHTM tiếp tục làm nóng thị trường tiền tệ
- Lạm phát được cải thiện. Biểu hiện cụ thể nhất là chỉ số lạm phát tiếp tục giảm xuống trong 2-3 tháng liên tiếp.
- Hoạt động giải chấp nếu diễn ra sẽ chỉ diễn ra với quy mô nhỏ và diễn ra một cách từ từ, không tác động tiêu cực đến thị trường.
- Các chuyên gia, tổ chức đầu tư trong và ngoài nước tỏ ra lạc quan hơn với TTCKVN
- Tính thanh khoản của cổ phiếu được cải thiện.

Kịch bản lạc quan: GDP tăng 7,6%; lạm phát sẽ tăng 16,7% và thâm hụt thương mại là 16,6%(GDP).

Bức tranh kinh tế vĩ mô sáng sủa và khả quan là nền tảng vững chắc cho các quyết định đầu tư trên thị trường chứng khoán. Nhà đầu tư có thể cân nhắc việc giải ngân mạnh mẽ khi các tín hiệu sau được làm rõ:

- Tỷ giá được bình ổn ở một mặt bằng mới;
- Lạm phát được kiểm soát trong 2-3 tháng liên tiếp;
- Lãi suất cơ bản ổn định, tính minh bạch của hệ thống ngân hàng được nâng lên;
- Có tín hiệu cho thấy Chính sách tiền tệ sẽ không thắt chặt hơn nữa
- Cán cân XNK dần dần trở về trạng thái cân bằng.

Kịch bản bi quan: Tốc độ tăng trưởng kinh tế là 6,7%, mức lạm phát sẽ tăng tới 22,3%, thâm hụt thương mại lên đến 17,8% (GDP). Kịch bản này sẽ xảy ra nếu nền kinh tế Mỹ tiếp tục suy thoái và mức độ lan tỏa ngày càng rộng và tác động mạnh hơn đến Việt Nam.

Trong trường hợp nền kinh tế diễn biến theo xu hướng này, những phiên tăng của thị trường chỉ là bull-traps, xu hướng chủ đạo vẫn là xuống mạnh. Nhà đầu tư cần chú ý khi nền kinh tế có những dấu hiệu sau:

- Chỉ số lạm phát tháng 7, 8 không được đẩy xuống dưới mức 2%;
- Chính sách tiền tệ có dấu hiệu bị thắt chặt hơn;
- Thị trường USD tự do tiếp tục không ổn định, người dân lại tích trữ tiền USD;
- Các NHTM tiếp tục rơi vào nguy cơ mất khả năng thanh toán. Hoạt động mua bán sáp nhập trong lĩnh vực ngân hàng – chứng khoán trở nên rối rắm.

Dự báo trên của CIEM được công bố vào đầu tháng 5/2008. Có thể nhận thấy chỉ tiêu lạm phát ở cả 3 kịch bản đều thấp hơn con số lạm phát thực tế cập nhật tại thời điểm cuối tháng. Lạm phát tháng 6 so với đầu năm đã tăng lên mức 18,44%, gần chạm mức mức dự báo của CIEM trong kịch bản bi quan. **Tổng cục Thống kê** vừa đưa ra 3 kịch bản lạm phát trên cơ sở chuyển biến tích cực chỉ số giá tiêu dùng trong tháng 6. Các nhóm hàng hóa dịch vụ cấu thành CPI có tốc độ

Chỉ tiêu lạm phát ở cả 3 kịch bản của CIEM đều thấp hơn con số lạm phát thực tế cập nhật tại thời điểm cuối tháng

tăng trên 1% trong tháng 6 không nhiều. Nhóm hàng hóa có tác động lớn nhất tới tốc độ tăng CPI là lương thực, thực phẩm (chiếm tới 42,8%) đang có dấu hiệu bình ổn dần. Theo dự báo mới nhất, lạm phát cuối năm 2008 có thể rơi vào một trong ba kịch bản sau:

- **Kịch bản 1** - trường hợp khả quan nhất, CPI 6 tháng cuối năm tăng trung bình 1% mỗi tháng, CPI tháng 12/2008 sẽ tăng khoảng 25,75% so với tháng 12/2007.
- **Kịch bản 2** - trường hợp kém khả quan hơn, mỗi tháng CPI tăng 1,2%, CPI tháng 12/2008 sẽ tăng 27,25% so với tháng 12/2007.
- **Kịch bản 3** - trường hợp xấu nhất, mỗi tháng CPI tăng 1,5%, CPI tháng 12/2008 sẽ tăng khoảng 30% so với tháng 12/2007.

Điều này cho thấy, kinh tế vĩ mô đầu đã có những chuyển biến theo chiều hướng tích cực, song vẫn chưa thực sự rõ nét. Ngay cả khi nền kinh tế đi theo kịch bản lạc quan nhất, thì vẫn còn tiềm ẩn quá nhiều rủi ro cho các nhà đầu tư khi tham gia vào bất cứ một kênh đầu tư tài chính nào.

Việc nhận biết các dấu hiệu của các kịch bản cho nền kinh tế sẽ hữu ích trong các ***quyết định giải ngân vốn cho nhà đầu tư***. Dựa vào các kịch bản này, nhà đầu tư có thể theo dõi các tín hiệu của nền kinh tế vĩ mô, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư cho chính mình. Cơ cấu tiền mặt – chứng khoán cần có sự linh hoạt điều chỉnh tùy theo từng kịch bản nói trên. Tuy nhiên, trong bất cứ trường hợp đầu tư nào, để tăng tính an toàn, NĐT cũng nên nghiên cứu kỹ lưỡng và tìm cơ hội đầu tư vào những mã CP có đặc tính sau:

- Giá đã giảm sâu, chỉ số tài chính tốt, hệ số P/E thấp, EPS cao; đặc biệt có P/BV nhỏ hơn 1, đang có dấu hiệu tăng trở lại;
- Tính thanh khoản tốt, kể cả trong điều kiện thị trường đi xuống;
- Có ngành nghề kinh doanh ổn định (không có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và đầu tư tài chính), ít bị ảnh hưởng lớn từ những biến động tiêu cực của nền kinh tế vĩ mô thời gian này;
- Lợi nhuận đem lại chủ yếu từ hoạt động kinh doanh chính, có các dự án đã và đang phát huy hiệu quả, có triển vọng phát triển dài hạn, mức tăng trưởng lợi nhuận cao, kết quả kinh doanh quý 2 dự kiến là tốt.

PHỤ LỤC



BẢNG CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI HOSE

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 1000đ	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷđồng)
1	ABT	36,6	105	-65,14	111	30	2.060.660	110.460.000.000	48,6	6,62	5.532	9,44	13,72	304
2	ACL	25,6	-	-	96	22,7	1.778.050	91.902.000.000	12,9	4,17	6.145	25,9	42,81	265
3	AGF	30,3	104	-70,87	108	21,5	2.978.600	117.404.000.000	47,3	14,33	2.115	4,5	6,12	400
4	ALP	12,2	-	-	67,5	12,2	7.274.820	321.519.000.000	16,5	6,49	1.881	12,13	17,52	519
5	ALT	27,6	108	-74,44	114	46,3	587.620	31.792.000.000	50,6	10,53	2.620	3,98	4,65	111
7	ASP	12,3	-	-	43,5	12	1.427.090	32.862.000.000	18,8	7,50	1.639	2,89	7,25	165
8	BBC	27	53	-49,06	111	27	2.382.220	177.774.000.000	31,6	18,89	1.429	6,45	11,81	427
9	BBT	7,6	25,8	-70,54	25,6	7,6	3.497.650	56.753.000.000	11,1	-	-	2,46	3,96	59
10	BHS	23,6	42	-43,81	56,5	19	1.915.220	68.866.000.000	20,9	9,52	2.480	8,01	14,1	500
11	BMC	57	500	-88,60	601	48,1	1.844.240	321.021.000.000	9,3	10,81	5.275	45,79	56,19	537
12	BMI	21,3	-	-	117	20,8	2.373.960	105.726.380.000	27,7	12,02	1.772	4,27	6,44	1.570
13	BMP	39,1	195	-79,95	195	35,9	1.822.210	167.871.000.000	31,7	5,48	7.130	19,29	22,77	627
14	BPC	11,9	36	-66,94	44,1	11,1	880.050	19.569.000.000	17,7	4,64	2.565	12,44	14,9	44
15	BT6	42,3	56	-24,46	79,5	38	2.076.020	121.581.000.000	29,2	12,56	3.369	5,3	11,94	509
16	BTC	34,5	32,3	6,81	85,5	28	137.240	8.271.000.000	6	51,19	674	1,31	8,17	44
17	CAN	12,5	29,5	-57,63	35	11,2	1.530.580	27.701.000.000	15,5	5,51	2.269	8,08	12,6	66
18	CII	27,8	67	-58,51	77	22,8	6.127.960	262.494.000.000	19,5	9,96	2.792	5,6	12,38	1.180
19	CLC	19,2	48,2	-60,17	57,5	17,9	1.058.620	45.377.000.000	11,2	5,62	3.414	13,01	32,76	269
20	COM	28,7	69	-58,41	92,5	26,4	1.502.790	64.546.000.000	35,6	14,24	2.016	4,57	5,34	239
21	CYC	10,7	17	-37,06	20,6	9,2	1.709.050	22.829.000.000	12,1	9,85	1.086	1,32	3,35	105
22	DCC	12	-	-	69	12	2.540.350	97.764.000.000	20,5	5,64	2.129	5,4	9,17	134
23	DCT	10,5	32,7	-67,89	35	10,5	4.099.940	78.912.000.000	12,1	8,20	1.280	8,7	10,82	267
24	DHA	21,8	77,5	-71,87	107	17,3	2.684.490	91.901.000.000	26,9	5,81	3.750	15,26	17,38	258
25	DHG	143	435	-67,13	553	133	4.868.680	842.827.000.000	32,6	20,47	6.986	13,62	19,69	2.760

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 1000đ	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷđồng)
26	DIC	18	38	-52,63	75,5	16,4	1.047.840	41.683.000.000	8,5	8,27	2.177	7,11	22,53	144
27	DMC	112	115	-2,61	177	102	1.030.320	144.866.000.000	33,6	22,08	5.072	10,65	13,89	1.473
28	DNP	10,6	73,5	-85,58	89	10,6	1.383.240	36.296.000.000	15,3	8,41	1.261	4,52	15,3	46
29	DPC	13,3	34	-60,88	47,8	13	491.890	12.019.000.000	13,9	6,39	2.083	7,72	14,13	23
30	DPM	42,8	-	-	95	35,5	96.671.670	5.221.249.000.000	11,5	12,63	3.388	23,17	30,37	19.570
31	DPR	52,5	-	-	99	39,7	9.993.840	591.198.000.000	17	9,44	5.562	20,47	34,73	2.500
32	DQC	45,7	-	-	232	43,2	5.633.580	545.577.000.000	44,3	3,96	11.528	12,11	29,31	817
33	DRC	32,9	130	-74,69	143	31,1	1.933.360	120.399.000.000	16	5,55	5.933	12,13	33,98	417
34	DTT	15	57,5	-73,91	56	13,3	562.420	11.646.000.000	20,1	16,48	910	3,87	4,07	81
35	DXP	17,5	46	-61,96	81	13,7	2.168.560	59.523.000.000	12,2	6,23	2.811	14,87	23,96	105
36	DXV	9	-	-	33,6	8,5	1.382.370	18.595.000.000	10,7	2,97	3.031	2,59	8,41	95
37	FBT	10,6	-	-	42	10,4	1.881.700	31.308.000.000	10,5	6,30	1.683	2,6	9,79	163
38	FMC	15,6	62	-74,84	66	15,1	1.950.920	60.491.000.000	20,7	4,96	3.143	7,18	16,87	138
39	FPC	22,8	58,5	-61,03	69,5	19,9	491.690	16.357.000.000	27	11,06	2.061	5,99	6,97	842
40	FPT	50	307	-83,71	308	48,1	22.648.350	2.869.879.000.000	23,3	5,45	9.180	13,77	37,26	5.284
41	GIL	19,8	80	-75,25	62	16,9	3.180.220	102.088.000.000	33	7,53	2.631	6,9	7,96	220
42	GMC	16,1	43,5	-62,99	67,5	14,8	1.382.930	44.795.000.000	23,3	4,83	3.331	7,88	13,14	77
43	GMD	38,8	147	-73,61	157	37,5	5.037.100	414.614.000.000	51,7	6,37	6.087	6,17	8,88	1.725
44	GTA	13,6	-	-	66	12	2.397.510	48.089.000.000	10,3	10,72	1.269	7,43	13,86	162
45	HAP	23,9	80,5	-70,31	93	22,5	10.883.450	626.800.000.000	33,2	4,15	5.757	10,01	14,78	415
46	HAS	16,2	103	-84,27	105	13,5	3.256.070	98.172.000.000	25,2	7,84	2.067	4,69	9,08	111
47	HAX	26,9	80	-66,38	118	25,3	1.245.260	60.318.000.000	23,7	10,29	2.615	7,55	24,09	120
48	HBC	33,7	121	-72,15	148	31,5	1.515.040	104.742.000.000	39,4	23,31	1.446	2,64	4,68	490
49	HBD	11,2	36,5	-69,32	52,5	11,2	901.340	22.964.000.000	11,3	7,17	1.562	8,3	12,74	17

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 1000đ	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷđồng)
50	HDC	35,9	-	-	148	34	1.724.520	117.624.000.000	15,6	8,70	4.127	4,53	22,15	277
51	HMC	18,2	47	-61,28	52,5	16,1	1.119.470	26.831.000.000	9,9	8,01	2.271	8,26	19,57	370
52	HPG	51,5	-	-	127	43,6	18.962.410	1.467.961.000.000	25,6	7,20	7.151	13,5	20,43	8.696
53	HRC	43,3	172	-74,83	192	38,9	2.774.410	211.280.000.000	18	6,18	7.006	32,65	39,11	872
54	HSI	18	-	-	45	16,8	3.225.660	85.669.000.000	13,8	3,47	5.187	4,21	18,78	203
55	HT1	14,6	-	-	61	14,6	4.342.200	127.189.000.000	10,7	13,37	1.092	4,22	10,45	1.305
56	HTV	13,6	49,9	-72,75	87	12,9	2.595.680	70.650.000.000	19,1	8,90	1.528	7,51	7,97	150
57	ICF	10,8	-	-	55,7	9,9	3.540.960	66.002.000.000	11,7	6,09	1.773	6,29	14,58	147
58	IFS	12,1	51	-76,27	51,5	12,1	738.490	19.077.000.000	13,9	4,86	2.492	7,49	16,49	367
59	IMP	97	124	-21,77	245	88	1.021.890	141.127.000.000	43,9	19,42	4.994	9,59	10,96	1.224
60	ITA	89	120	-25,83	144	66	6.470.190	598.692.000.000	37,7	25,32	3.515	7,82	11,15	10.982
61	KDC	78	236	-66,95	277	75,5	4.378.390	574.187.000.000	50,1	15,64	4.987	7,31	9,14	3.713
62	KHA	10,9	38,5	-71,69	41	10,9	4.150.070	91.574.000.000	15,6	9,95	1.096	3,7	5,65	162
63	KHP	13,5	39,3	-65,65	47,2	13,1	2.051.100	55.319.000.000	11,5	5,11	2.643	9,9	21,62	261
64	KMR	48	-	-	48	41,5	220	11.000.000	-	-	-	-	-	551
65	L10	12,5	-	-	58,5	12,4	1.418.050	51.759.000.000	11,5	8,35	1.497	5,21	13,82	115
66	LAF	16,3	19	-14,21	57,5	13,9	5.527.800	186.767.000.000	16,4	3,17	5.138	12,97	23,39	108
67	LBM	16	65	-75,38	66,5	12,5	3.099.900	67.141.000.000	14,8	6,36	2.516	5,17	9,58	76
68	LGC	44,3	114	-61,14	128	38,5	2.003.840	98.627.000.000	27,6	47,38	935	1,37	4,47	128
69	LSS	14,1	-	-	39	13,9	3.354.710	93.814.000.000	20,6	4,32	3.263	8,44	13,51	441
70	MAFPF1	5,1	-	-	10,2	4,7	4.422.590	34.074.000.000	5,1	-	-	-	-	116
71	MCP	14	35	-60,00	70	13,9	611.620	18.738.000.000	21	7,12	1.966	4,62	16,22	75
72	MCV	11,5	41	-71,95	51	11,5	2.428.670	52.206.000.000	8,5	11,07	1.039	3,74	12,66	119

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 1000đ	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷđồng)
73	MHC	12,2	36	-66,11	58	12,2	5.323.130	140.625.000.000	11,7	3,69	3.306	12,36	24,26	158
74	MPC	14,7	-	-	80,9	14,7	5.696.900	185.298.000.000	15,8	6,80	2.162	8,95	17,41	1.057
75	NAV	15,9	117	-86,41	166	15,7	2.626.030	115.772.000.000	11,2	5,54	2.868	17,83	28,41	134
76	NHC	28,1	50	-43,80	60	23,3	797.660	28.352.000.000	17	4,32	6.511	23,61	29,1	44
77	NKD	72	170	-57,65	236	63,5	1.161.580	129.830.000.000	26,4	9,14	7.874	11,5	28,72	736
78	NSC	21,4	59	-63,73	77	19,5	1.490.440	43.971.000.000	22,3	7,67	2.790	11,35	18,87	139
79	NTL	25,9	-	-	313	25,2	6.173.390	1.153.381.000.000	15,2	2,48	10.454	19,92	44,71	484
80	PAC	34,9	41,5	-15,90	71	30,9	1.524.290	77.216.000.000	18,7	10,33	3.380	10,15	22,94	639
81	PET	15,5	-	-	104	12,8	10.719.670	324.025.000.000	11,2	7,27	2.133	4,35	9,47	902
82	PGC	14	52,5	-73,33	68	13	2.529.220	64.373.000.000	21,8	-	-	5,54	8,72	367
83	PIT	15	-	-	52	14,4	2.612.900	85.899.000.000	21,7	4,67	3.209	9,06	15,96	178
84	PJT	12,5	49,5	-74,75	83,5	12,4	1.678.970	56.500.000.000	13,8	6,25	1.999	8,92	21,03	94
85	PMS	26,3	30,5	-13,77	37,2	24,1	1.934.030	56.170.000.000	16,7	16,55	1.589	6,23	9,25	141
86	PNC	11,8	29,8	-60,40	41,8	11,2	1.090.360	24.196.000.000	18,8	9,20	1.282	4,29	7,42	79
87	PPC	25,5	64	-60,16	67	24,1	25.902.010	1.070.565.000.000	12,1	10,06	2.534	8,51	21,55	9.037
88	PRUBF1	5,2	12,4	-58,06	12,6	4,8	25.048.560	230.912.000.000	7,3	-	-	-	-	275
89	PVD	76	165	-53,94	179	65	15.896.230	1.735.450.000.000	15,7	13,07	5.813	13,21	30,68	12.093
90	PVT	14,5	-	-	96	13,7	10.875.460	430.610.000.000	10,4	48,33	300	0	0	1.130
91	RAL	33,4	120	-72,17	127	27,3	2.093.340	101.043.000.000	36,6	5,58	5.982	6,7	13,83	462
92	REE	27,5	150	-81,67	161	26	14.200.650	1.117.056.000.000	39,2	10,43	2.637	10,06	12,96	1.798
93	RHC	22,6	46	-50,87	55	19,6	564.420	17.605.000.000	19,6	5,21	4.337	11,14	22,45	78
94	RIC	20,7	-	-	174	20	2.995.570	158.782.000.000	16,4	47,37	437	7,09	8,1	954
95	SAF	21,4	42,5	-49,65	59,5	21,1	570.330	19.096.000.000	17,3	-	-	14,55	24,69	59
96	SAM	25,3	165	-84,67	165	21,7	9.136.550	495.556.000.000	36,2	8,43	3.001	6,4	8,09	1.700

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 1000đ	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷđồng)
97	SAV	19	68	-72,06	74,5	18,5	740.640	26.353.000.000	28	12,47	1.524	2,9	5,39	192
98	SBT	11,1	-	-	24	9,8	9.005.620	132.787.000.000	11,3	8,15	1.362	11,15	11,88	1.646
99	SC5	27,2	-	-	255	27,2	5.252.070	593.993.000.000	21,5	3,53	7.709	6,69	36,99	266
100	SCD	21,5	46,5	-53,76	53	17,1	2.362.070	54.600.000.000	15,1	7,18	2.993	14,55	18,6	187
101	SDN	24,9	45	-44,67	56,5	20,1	354.410	10.977.000.000	14,4	7,97	3.126	9,46	20,5	28
102	SFC	25,7	95	-72,95	123	24,1	768.320	33.336.000.000	22,1	10,46	2.457	5,83	11,11	95
103	SFI	28,3	186	-84,78	305	25,9	1.973.470	130.317.000.000	39	6,29	4.501	8,63	41,86	90
104	SFN	11,1	33	-66,36	39,9	11,1	293.700	5.689.000.000	13,4	5,40	2.057	11,99	13,4	36
105	SGC	17,3	44	-60,68	62	16,5	388.970	14.752.000.000	16,2	4,25	4.074	22,47	25,56	88
106	SGH	96,5	169	-42,90	169	75	392.240	37.075.000.000	14,5	33,73	2.861	16,43	17,63	163
107	SGT	32,3	-	-	109	29,8	2.366.880	116.896.000.000	10,8	12,30	2.626	9,88	22,72	1.831
108	SHC	21,8	35,5	-38,59	67,5	19	2.782.520	82.222.000.000	20,5	6,17	3.534	4,75	12,43	75
109	SJ1	19	46	-58,70	47,1	17,1	360.810	10.830.000.000	20,3	10,72	1.772	6,82	8,32	69
110	SJD	15	43	-65,12	48,9	14,2	2.114.100	58.352.000.000	11,3	5,90	2.544	5,62	20,11	478
111	SJS	46,2	315	-85,33	318	44,9	9.575.810	1.468.906.000.000	32,8	5,04	9.166	23,22	28,27	2.120
112	SMC	29,3	51	-42,55	74,5	25,5	5.977.230	295.885.000.000	20,7	5,55	5.282	7,93	22,16	346
113	SSC	28,2	68,5	-58,83	83	24,3	846.400	33.222.000.000	13,3	12,66	2.228	14,09	17,57	276
114	SSI	32	-	-	285	27	69.376.770	5.570.796.000.000	31,4	8,60	3.719	9,23	21,3	5.330
115	ST8	26,9	-	-	89	24,8	378.870	22.696.000.000	13,6	5,34	5.039	13,92	28,59	255
116	STB	21,9	66	-66,82	74	19,7	120.541.900	5.197.963.000.000	15,4	7,12	3.078	-	-	11.167
117	TAC	70	66	6,06	186	63,5	5.095.090	561.484.000.000	21,8	7,94	8.814	15,02	34,78	1.367
118	TCM	12,8	-	-	111	12,8	7.006.290	279.870.000.000	19,9	4,32	2.960	6,71	25,39	277
119	TCR	12,9	30	-57,00	35,8	12,1	1.678.230	33.287.000.000	17,5	5,81	2.219	6,28	12,4	480
120	TCT	63	401	-84,29	442	60	589.140	107.620.000.000	38,2	5,10	12.363	30,24	33,32	114
121	TDH	55,5	197	-71,83	207	55,5	4.472.240	514.449.000.000	41,7	9,29	5.977	14,73	21,63	1.311

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 1000đ	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷđồng)
122	TMC	21,3	48,5	-56,08	63	18,5	1.767.720	53.859.000.000	21,4	3,81	5.585	10,29	26,74	97
123	TMS	37,9	63	-39,84	82	37,9	379.000	25.021.000.000	28,4	14,39	2.633	7,96	9,4	277
124	TNA	18,7	55	-66,00	64	18,7	755.370	28.098.000.000	27,6	4,47	4.179	7,49	14,25	65
125	TNC	13,2	-	-	54	12,9	4.859.800	114.809.000.000	11,3	-	-	12,09	15,35	291
126	TPC	13,3	-	-	69	12,8	2.923.680	89.158.000.000	32,7	5,17	2.574	2,03	2,58	155
127	TRC	62	-	-	145	54,5	3.563.440	261.544.000.000	13,7	11,78	5.265	21,71	37,73	2.085
128	TRI	18,8	52	-63,85	58	18,1	1.219.800	40.252.000.000	17	10,63	1.769	2,27	10	168
129	TS4	11,9	63	-81,11	60,5	11,2	914.810	20.198.000.000	18	13,27	897	5,2	6,67	107
130	TSC	48,9	-	-	116	40,5	2.664.400	194.701.000.000	19,3	4,37	11.190	15,04	43,82	478
131	TTC	10,4	26,4	-60,61	43,5	9,9	1.897.960	32.809.000.000	11,9	6,35	1.637	5,04	18,59	68
132	TTF	22,1	-	-	70	21,5	3.408.670	165.724.000.000	44,9	5,15	4.289	3,8	7,86	362
133	TTP	23,7	85,5	-72,28	117	22,5	457.590	32.375.000.000	26,7	7,23	3.276	10,6	13,21	338
134	TYA	13,8	38,5	-64,16	43	13,1	1.186.250	24.740.000.000	12,7	4,02	3.433	0,84	2,74	361
135	UIC	12,2	-	-	92	10,3	3.827.030	143.526.000.000	15,9	6,71	1.819	5,48	14,52	104
136	UNI	14	77	-81,82	164	13,9	2.996.070	95.603.000.000	13,1	12,14	1.153	11,45	32,5	107
137	VFC	19,1	41	-53,41	92,5	19,1	1.180.280	54.618.000.000	18,1	8,40	2.275	5,7	13,21	148
138	VFMVF1	10,4	32,4	-67,90	34,7	9,2	23.078.060	418.701.000.000	17,7	-	-	-	-	1.190
139	VFMVF4	7,3	-	-	8,3	7,1	1.239.190	9.262.000.000	9	-	-	-	-	645
140	VGP	23,7	55	-56,91	63	21,6	796.520	24.724.000.000	20,7	8,28	2.864	9,89	10,46	161
141	VHC	18,3	-	-	63,5	18,3	3.437.970	121.212.000.000	13,1	5,60	3.269	14,21	24,4	606
142	VHG	24,2	-	-	96	23,2	6.577.430	273.873.000.000	18,7	10,94	2.213	16,2	16,77	618
143	VIC	93,5	-	-	193	71	13.449.040	1.301.032.000.000	19	37,76	2.476	9,03	15,59	12.120
144	VID	11,4	65	-82,46	72	9,6	6.399.970	126.245.000.000	12,8	-	-	5,23	9,12	234
145	VIP	21,5	80	-73,13	93	17,6	7.650.400	229.496.000.000	13	9,08	2.368	9,63	19,2	1.328
146	VIS	19,2	46	-58,26	101	19,2	1.449.100	61.737.000.000	11,3	10,23	1.877	2,78	12,6	297

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 1000đ	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷđồng)
147	VKP	38,3	-	-	44	31,3	620	27.000.000	0	-	-	-	-	250
148	VNE	13,2	-	-	69	13,2	5.060.000	165.246.000.000	11,6	8,00	1.651	3,4	16,63	432
149	VNM	106	180	-41,11	198	90	12.543.150	1.553.950.000.000	26,4	19,49	5.438	17,76	22,32	19.631
150	VPK	10,4	27	-61,48	30	9,5	1.370.320	21.618.000.000	11,4	7,90	1.316	5,59	10,83	84
151	VPL	108	-	-	138	108	1.300.160	163.286.000.000	10,4	150,00	720	4,69	8,08	11.000
152	VSC	42	-	-	138	35,8	3.172.350	287.007.000.000	26,6	5,85	7.181	18,25	26,06	475
153	VSH	24,2	62,5	-61,28	63	22,2	12.114.800	398.978.000.000	14,7	11,20	2.160	10,44	12,7	3.932
154	VTM	9,6	28,5	-66,32	31	9,6	1.290.000	21.982.000.000	13,2	5,84	1.643	2,82	10,19	60
155	VTB	20	67	-70,15	66	19,9	671.010	22.601.000.000	16,5	7,54	2.654	7,24	11,19	237
156	VTC	20,3	45	-54,89	59	14,7	528.790	14.032.000.000	14,6	8,81	2.304	3,85	11,38	46
157	VTO	15,6	-	-	102	15,6	10.246.100	293.070.000.000	13,4	5,30	2.944	10,78	30,18	972

(Nguồn: Sở giao dịch chứng khoán TPHCM)

BẢNG CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TẠI HASTC

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 (1000đ)	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷ đồng)
1	ACB	47,9	126,2	-62	190,1	39,7	37.487.400	3.346.499.040.000	25,33	5,92	8.095	2,71	44,49	12.440
2	B82	20,3	-	-	43,5	15,0	112.700	3.680.270.000	12,72	7,84	2.589	2,83	18,83	30
3	BBS	11,1	21,5	-48	34,6	9,8	717.600	12.262.460.000	13,13	6,67	1.664	8,94	13,29	33
4	BCC	13,7	37,5	-63	41,1	12,9	4.206.100	77.287.130.000	11,36	8,87	1.545	6,67	14,01	1.215
5	BHV	19,2	20,0	-4	43,6	19,0	151.400	3.909.960.000	13,67	8,20	2.342	6,67	18,10	17
6	BLF	12,1	-	-	17,0	8,6	2.094.900	22.184.810.000	-	2,85	4.247	10,80	24,96	61
7	BTH	12,0	-	-	34,4	10,3	369.600	7.999.570.000	12,80	8,78	1.366	7,20	11,89	36
8	BTS	15,5	45,5	-66	49,3	13,5	681.900	15.375.210.000	11,00	13,81	1.122	4,51	10,14	1.377
9	BVS	32,2	407,6	-92	644,3	28,8	4.003.400	334.180.400.000	13,65	2,25	14.327	13,98	41,88	1.431
10	C92	24,0	-	-	101,2	181,0	614.200	38.443.240.000	12,46	9,05	2.651	2,53	21,06	29
11	CAP	14,9	-	-	40,0	14,4	162.200	4.203.310.000	14,30	5,83	2.557	4,33	19,54	16
12	CDC	27,8	-	-	282,7	23,8	2.940.700	277.696.490.000	30,29	2,84	9.780	10,38	43,63	99
13	CIC	12,5	45,9	-73	66,1	11,5	967.100	27.346.370.000	18,49	7,20	1.735	4,00	12,36	31
14	CID	16,3	23,0	-29	79,9	13,2	114.700	3.509.990.000	5,27	14,16	1.151	2,78	9,86	9
15	CJC	18,9	36,0	-48	61,2	18,9	207.700	7.253.780.000	16,11	4,46	4.237	4,19	30,66	38
16	CMC	14,4	5,3	171	138,6	14,5	1.301.300	61.536.090.000	10,30	1,48	9.725	26,54	62,25	22
17	CSG	11,1	-	-			1.740.100	18.208.570.000	17,39	0,01	842	3,23	5,43	330
18	CTB	19,0	34,7	-45	56,9	15,9	185.900	5.674.110.000	16,40	6,04	3.145	9,00	22,00	33
19	CTN	14,2	58,5	-76	69,6	11,0	1.271.900	35.278.330.000	-	2,03	6.997	4,04	14,55	69
20	DAC	21,9	20,0	9	40,3	16,5	559.900	14.574.820.000	16,26	21,66	1.011	4,06	6,89	16

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 (1000đ)	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷ đồng)
21	DAE	12,3	38,1	-68	123,0	10,3	827.500	25.414.780.000	11,73	2,63	4.676	9,72	30,53	19
22	DBC	15,4	-	-	29,4	14,2	4.889.600	117.809.580.000	22,19	4,58	3.366	7,44	21,36	107
23	DCS	8,5	-	-	50,3	8,3	1.572.600	35.188.270.000	10,47	4,21	2.020	6,89	19,63	17
24	DHI	13,5	34,5	-61	64,4	12,0	1.523.400	42.673.180.000	13,06	5,72	2.362	13,07	17,91	19
25	DST	12,5	-	-	82,3	11,7	390.900	9.751.850.000	10,66	2,19	5.714	11,06	13,13	13
26	DTC	41,7	26,0	60	65,5	29,0	110.000	4.759.050.000	21,97	9,68	4.308	4,66	28,46	21
27	EBS	17,3	49,0	-65	116,3	14,1	2.801.200	121.410.560.000	5,73	2,07	8.352	14,09	32,77	44
28	GHA	19,0	43,0	-56	125,9	19,1	699.000	30.542.080.000	19,92	3,33	5.714	27,69	32,49	25
29	HAI	25,8	69,0	-63	92,7	20,6	1.460.600	61.288.330.000	15,28	5,69	4.538	14,44	31,78	293
30	HBE	19,2	-	-	39,7	14,7	215.800	6.477.420.000	10,85	19,10	1.005	7,41	14,72	19
31	HCC	13,0	-	-	59,0	13,0	378.300	9.269.350.000	17,24	10,16	1.280	10,73	16,43	21
32	HCT	15,8	-	-	76,2	15,6	1.239.900	62.667.640.000	9,05	2,81	5.629	29,73	38,45	16
33	HEV	13,9	-	-	78,7	12,4	235.500	6.212.830.000	15,71	4,50	3.086	13,53	21,36	14
34	HHC	18,7	-	-	74,1	15,1	1.643.800	53.331.720.000	18,66	4,04	4.634	11,62	25,12	102
35	HJS	13,0	26,0	-50	36,1	11,5	1.012.000	18.818.200.000	12,77	11,05	1.177	3,00	10,00	76
36	HLV	28,9	32,0	-10	70,8	21,5	293.700	10.935.720.000	16,85	11,05	2.616	5,63	18,00	14
37	HNM	14,8	34,2	-57	49,3	12,1	5.626.100	109.127.150.000	17,24	8,84	1.675	5,01	8,21	146
38	HPC	17,5	78,6	-78	177,4	17,1	11.848.900	698.124.870.000	28,59	1,58	11.042	19,10	41,19	333
39	HPS	14,9	20,5	-27	43,2	14,4	380.900	9.132.290.000	12,16	0,02	774	5,41	6,35	23
40	HSC	183,4	107,6	70	258,0	179,6	14.700	2.932.060.000	13,30	45,36	4.043	27,30	32,21	106

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 (1000đ)	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷ đồng)
41	HTP	11,0	25,5	-57	56,0	11,0	1.200.800	36.817.890.000	11,75	6,85	1.607	9,95	12,05	14
42	HUT	19,3	-	-	27,6	14,8	220.100	5.803.990.000	11,26	7,49	2.578	4,82	23,90	106
43	ILC	19,7	85,5	-77	163,9	19,0	3.031.000	200.786.860.000	31,23	4,30	4.583	11,79	26,87	79
44	KBC	103,0	-	-	211,4	104,2	2.402.600	429.129.770.000	26,18	22,72	4.533	15,06	25,21	9.045
45	KLS	10,0	-	-	68,1	9,6	31.326.400	1.061.279.720.000	16,86	1,72	5.828	20,49	29,10	504
46	KMF	14,0	-	-	51,6	12,1	2.063.500	63.705.730.000	11,47	0,04	327	10,04	17,22	145
47	L18	12,4	-	-	20,1	12,4	875.000	12.110.500.000	-	3,58	3.464	1,86	21,11	43
48	L43	13,6	-	-	18,5	13,2	122.300	1.783.450.000	-	-	-	-	-	48
49	L62	33,9	-	-	39,7	33,9	211.500	8.440.400.000	16,28	14,66	2.313	8,41	22,77	102
50	LBE	19,3	-	-	39,5	16,4	101.500	2.829.990.000	14,62	10,33	1.869	9,24	18,96	21
51	LTC	14,3	48,0	-70	78,3	14,3	398.600	11.058.130.000	20,43	3,50	4.086	5,51	22,25	36
52	LUT	21,6	-	-	59,3	17,8	660.300	25.333.890.000	11,10	17,17	1.258	6,79	10,74	120
53	MCO	10,6	70,0	-85	80,0	10,6	510.100	16.936.830.000	13,23	2,63	4.025	4,60	18,98	39
54	MEC	15,3	76,5	-80	88,7	12,3	1.394.400	49.300.200.000	16,88	2,55	5.996	3,84	23,26	61
55	MIC	65,1	-	-	281,5	52,1	1.404.800	154.107.610.000	21,98	28,22	2.307	5,87	17,07	84
56	NBC	30,5	66,7	-54	95,4	26,8	5.245.000	348.167.080.000	26,37	3,22	9.464	10,54	59,66	179
57	NGC	18,3	22,5	-19	35,8	16,0	98.900	2.401.510.000		5,68	3.221	11,00	23,00	18
58	NLC	14,5	-	-	35,4	12,2	4.750.100	117.134.300.000	16,02	3,78	3.832	11,00	28,00	72
59	NPS	38,8	53,0	-27	87,1	34,2	45.800	2.849.070.000	21,29	8,87	4.374	9,75	21,91	41
60	NST	11,6	34,0	-66	55,5	11,2	495.400	12.004.290.000	14,71	3,27	3.549	5,80	23,97	35

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 (1000đ)	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷ đồng)
61	NTP	30,6	124,0	-75	147,6	24,8	8.713.000	556.641.420.000	17,16	3,96	7.718	28,51	42,94	663
62	NVC	27,3	-	-	45,2	27,3	8.897.900	326.459.300.000	16,09	10,16	2.688	4,02	23,60	438
63	ONE	25,8	-	-	25,8	19,4	16.300	409.700.000	-	-	-	-	-	52
64	PAN	25,3	63,5	-60	220,3	19,6	11.741.600	942.059.020.000	33,16	3,41	7.429	26,53	37,26	177
65	PGS	12,4	-	-	70,8	9,7	2.860.100	48.517.080.000	11,00	0,02	708	1,46	7,36	183
66	PJC	13,6	33,0	-59	67,1	12,7	204.300	5.940.220.000	21,54	5,42	2.509	7,36	11,92	21
67	PLC	17,7	62,0	-71	72,3	15,0	661.100	21.598.040.000	21,02	5,07	3.494	5,24	21,63	281
68	POT	11,9	51,9	-77	65,5	10,2	3.143.900	69.399.070.000	15,30	6,03	1.975	6,00	12,00	211
69	PPG	11,5	27,0	-57	47,2	9,9	1.797.700	37.325.910.000	13,70	5,10	2.256	7,02	16,93	44
70	PSC	27,3	57,4	-52	76,9	22,2	118.700	5.033.540.000	27,36	5,75	4.749	5,88	20,75	55
71	PTC	13,6	64,5	-79	81,5	13,0	2.137.600	78.652.330.000	25,10	3,25	4.182	5,00	13,00	133
72	PTS	16,1	44,0	-63	121,9	12,5	1.826.400	64.231.140.000	10,25	1,87	8.599	21,43	50,09	56
73	PVC	24,3	-	-	187,3	19,3	3.502.300	263.402.220.000	14,30	7,39	3.289	15,31	24,64	290
74	PVE	18,0	-	-	140,2	16,1	749.600	44.224.900.000	13,88	6,16	2.923	5,00	22,00	62
75	PVI	22,9	-	-	116,5	19,0	19.927.300	893.045.240.000	26,61	5,81	3.944	8,75	20,34	1.899
76	PVS	26,2	-	-	173,1	20,7	27.714.500	1.608.678.630.000	33,50	8,21	3.191	6,73	30,06	2.620
77	QNC	24,0	-	-	61,0	20,6	4.963.900	190.400.740.000	14,61	4,98	4.820	5,00	34,00	309
78	RCL	43,8	254,2	-83	399,7	32,7	673.900	83.133.710.000	27,16	5,55	7.897	6,31	32,83	66
79	S12	14,6	-	-	96,0	14,3	944.200	62.709.610.000	13,56	4,14	3.527	5,80	28,42	74
80	S55	21,0	76,3	-72	246,0	20,1	641.000	39.656.100.000	53,51	2,77	7.569	7,33	30,65	50

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 (1000đ)	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷ đồng)
81	S64	15,1	53,0	-72	196,1	10,6	1.379.400	44.993.880.000	21,09	2,94	5.138	3,79	18,26	30
82	S91	14,0	37,0	-62	110,9	11,3	633.300	25.401.870.000	15,20	4,60	3.041	5,64	20,02	21
83	S96	15,7	-	-	112,6	15,4	3.296.700	231.121.950.000	12,51	4,26	3.683	8,08	17,45	39
84	S99	35,1	385,0	-91	441,1	25,6	2.145.200	265.109.360.000	13,67	1,38	25.357	22,20	52,30	53
85	SAP	11,1	33,5	-67	87,6	10,3	608.700	17.616.570.000	10,66	5,02	2.210	13,95	20,16	14
86	SCC	14,2	30,0	-53	70,8	11,7	816.300	21.652.730.000	20,03	5,97	2.379	10,50	12,46	28
87	SCJ	42,3	-	-	268,0	40,7	3.707.200	340.916.460.000	41,95	4,05	10.457	23,82	33,50	117
88	SD2	31,4	-	-	173,1	31,4	920.200	93.276.790.000	20,72	3,62	8.672	8,31	86,72	110
89	SD3	18,3	56,1	-67	229,1	17,7	490.300	24.248.610.000	5,89	4,55	4.025	2,93	27,45	35
90	SD4	14,2	92,0	-85	18,4	12,8	158.200	2.075.550.000	-	-	-	-	-	106
91	SD5	20,2	-	-	145,8	17,9	1.196.000	58.901.220.000	14,02	2,65	7.633	2,71	21,11	121
92	SD6	17,3	69,5	-75	149,3	12,0	2.300.000	92.778.410.000	28,71	2,18	7.947	5,22	15,44	104
93	SD7	20,1	151,0	-87	492,1	19,4	4.074.700	187.110.910.000	37,27	1,88	10.683	2,24	5,77	177
94	SD9	16,9	63,5	-73	121,5	14,7	9.153.800	497.735.200.000	15,22	2,37	7.143	6,56	22,47	249
95	SDA	23,9	316,0	-92	307,0	22,5	3.611.500	348.920.940.000	15,01	6,20	3.855	10,89	39,98	165
96	SDC	27,0	67,2	-60	180,4	22,1	359.500	22.525.850.000	19,55	5,53	4.879	8,52	31,09	40
97	SDD	10,2	-	-	52,3	8,7	4.174.700	135.377.430.000	14,48	3,70	2.759	7,74	14,26	37
98	SDJ	15,6	-	-	106,8	13,2	909.500	45.914.790.000	18,02	2,61	5.985	4,29	60,00	28
99	SDT	20,9	139,0	-85	165,0	17,9	5.466.600	338.170.550.000	28,35	2,65	7.885	8,60	16,85	246
100	SDY	15,1	29,9	-49	74,7	14,5	821.200	25.931.060.000	20,19	5,89	2.564	2,12	13,13	22

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 (1000đ)	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷ đồng)
101	SGD	13,5	43,5	-69	108,7	13,5	1.193.400	46.933.130.000	13,06	5,57	2.425	10,77	32,95	20
102	SIC	13,7	41,0	-67	99,5	12,6	1.642.000	71.538.120.000	19,67	2,07	6.629	4,89	15,50	68
103	SJC	19,2	-	-	87,4	16,3	1.414.200	56.927.640.000	13,98	5,35	3.587	3,96	30,50	58
104	SJE	14,8	67,0	-78	106,0	11,3	5.342.700	236.845.120.000	21,00	3,47	4.268	2,99	10,49	74
105	SJM	12,1	-	-	81,3	9,3	730.500	32.755.690.000	21,19	4,97	2.437	3,49	10,63	18
106	SNG	27,4	84,0	-67	238,6	27,2	606.200	52.425.830.000	26,29	3,62	7.575	12,30	32,70	52
107	SRA	14,5	-	-	51,0	11,5	324.100	10.285.800.000	12,04	6,86	2.114	7,05	16,20	15
108	SRB	7,8	-	-	151,0	7,0	1.911.100	20.744.410.000	-	5,60	1.394	12,66	17,50	44
109	SSS	14,7	-	-	141,5	11,5	1.925.500	103.419.020.000	13,12	4,21	3.49	14,89	24,30	37
110	STC	12,0	52,4	-77	91,3	12,0	617.900	20.348.370.000	6,36	4,95	2.425	7,46	21,18	35
111	STP	14,7	38,0	-61	104,7	13,3	4.892.400	235.204.090.000	18,37	3,14	4.686	10,10	11,60	51
112	SVC	22,0	85,0	-74	176,0	18,3	2.348.700	104.023.040.000	14,50	4,63	4.755	8,97	27,77	327
113	TBC	13,7	31,3	-56	37,3	11,8	11.515.600	209.913.360.000	11,51	10,92	1.255	10,00	12,00	845
114	TC6	30,5	-	-	37,7	29,1	54.900	1.618.760.000	-	-	-	-	-	291
115	TJC	16,4	-	-	51,3	14,8	791.100	25.318.690.000	17,80	10,21	1.606	10,24	13,73	49
116	TKU	10,8	34,8	-69	39,0	9,6	753.000	13.848.650.000	12,61	10,80	1.000	4,20	8,80	35
117	TLC	9,0	50,9	-82	62,1	7,9	3.820.500	80.227.860.000	23,40	0,01	692	2,00	3,00	89
118	TLT	13,5	72,1	-81	143,8	12,9	5.636.300	218.267.900.000	16,39	1,44	9.402	5,16	27,27	92
119	TNG	11,3	-	-	71,0	9,5	2.747.800	79.322.080.000	13,70	2,67	4.236	8,09	36,30	61
120	TPH	10,4	33,8	-69	65,5	10,4	582.900	14.425.650.000	12,83	3,69	2.822	13,40	18,99	19

TT	Mã CK	Giá 30.06 2008 (1000đ)	Giá 29.06 2007 (1000đ)	+/- (%)	Giá Cao nhất 52Tuần (1000đ)	Giá thấp nhất 52Tuần (1000đ)	Tổng KLGD (2.1 – 30.6.08) (CP)	Tổng GTGD (2.1 – 30.6.08) (đồng)	BV 2007 1000đ	P/E (30.6) (lần)	EPS 2007 (đồng)	ROA 2007 (%)	ROE 2007 (%)	GT Vốn hóa TT (tỷ đồng)
121	TST	12,4	-	-	67,1	12,3	2.617.900	111.551.530.000	23,57	0,02	768	3,00	6,00	59
122	TXM	10,2	30,0	-66	73,8	9,1	2.385.400	46.779.730.000	6,79	4,44	2.295	5,53	17,79	71
123	VBH	15,4	29,0	-47	40,0	13,8	108.700	2.296.680.000	11,03	0,02	705	4,78	6,39	45
124	VC2	31,0	153,9	-80	246,8	28,2	2.899.700	239.929.830.000	27,95	2,36	13.130	9,87	43,33	181
125	VC3	16,3	-	-	112,4	16,3	983.500	44.290.250.000	21,39	2,75	5.918	3,32	20,97	130
126	VC5	10,3	-	-	54,9	10,2	2.409.000	81.813.840.000	14,80	2,94	3.502	3,31	23,58	51
127	VC6	13,5	-	-	50,2	13,1	312.300	10.851.590.000	14,45	11,84	1.140	3,85	14,43	54
128	VC7	11,5	-	-	57,1	9,6	2.126.500	78.734.760.000	16,53	7,99	1.440	3,41	12,01	57
129	VCS	24,6	-	-	95,3	18,5	1.661.500	77.287.310.000	17,39	2,84	8.663	9,62	37,74	246
130	VDL	32,7	-	-	105,5	28,3	713.200	51.766.990.000	25,01	4,86	6.725	15,63	29,98	39
131	VE9	14,0	-	-	41,1	13,9	427.100	12.674.410.000	10,94	5,65	2.476	5,36	15,37	43
132	VFR	13,2	30,2	-56	51,8	10,8	2.560.200	57.489.380.000	13,76	5,47	2.414	10,72	20,74	195
133	VMC	17,0	70,9	-76	101,8	13,7	1.936.900	77.618.080.000	20,86	7,00	2.427	2,25	22,29	110
134	VNC	15,0	39,6	-62	73,9	13,0	3.289.900	111.512.070.000	16,02	3,48	4.312	20,15	31,23	117
135	VNR	29,9	80,0	-63	78,5	23,6	528.300	18.824.240.000	28,26	15,96	1.873	6,99	14,29	1.996
136	VSP	48,1	145,0	-67	315,6	35,2	2.415.600	235.730.860.000	95,79	3,74	12.844	4,10	84,31	664
137	VTL	23,4	31,0	-25	54,6	18,5	467.000	15.683.230.000	17,38	6,70	3.491	7,64	22,52	42
138	VTS	24,4	26,2	-7	81,0	20,3	1.149.600	35.050.740.000	17,80	9,12	2.675	7,39	17,94	27
139	VTV	14,0	40,0	-65	47,4	10,8	622.000	11.210.220.000	16,85	4,54	3.081	6,77	12,95	90
140	XMC	14,0	-	-	58,4	13,6	2.263.400	55.485.590.000	16,50	3,11	4.506	4,41	14,28	139
141	YBC	17,6	-	-	21,2	17,0	321.700	6.055.900.000	-	4,65	3.784	3,00	30,00	38
142	YSC	20,0	37,8	-47	96,9	15,2	98.200	3.036.070.000	20,46	4,83	4.144	13,10	25,14	15

(Nguồn: Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội)